

BÁO CÁO
Tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Luật Thủ đô được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 21/11/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013. Đây là văn bản pháp lý quan trọng quy định vị trí, vai trò, trách nhiệm và chính sách xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô. Việc đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan tình hình thi hành Luật Thủ đô trong 05 năm qua nhằm xác định những tác động tích cực của cơ chế đặc thù về xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô; tập hợp những khó khăn, vướng mắc; kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành Luật và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung quy định của Luật cho phù hợp tình hình mới. Trên cơ sở tổ chức tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết, thực hiện Khoản 3 Điều 25 Luật Thủ đô, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hà Nội báo cáo kết quả, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Công tác chỉ đạo và tổ chức thi hành Luật Thủ đô

Ngay sau khi Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua, thực hiện Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Thủ đô, UBND Thành phố đã ban hành các Kế hoạch, văn bản tổ chức triển khai, trong đó, tập trung chủ yếu việc xây dựng văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND Thành phố, đảm bảo văn bản được ban hành cùng thời điểm Luật có hiệu lực thi hành. Tính đến nay, UBND Thành phố đã ban hành 55 văn bản để tổ chức triển khai, thực hiện Luật Thủ đô trên địa bàn (26 Quyết định, 10 Kế hoạch, 17 Công văn, 01 Tờ trình, 01 Thông báo) (*Chi tiết Phụ lục số 01 kèm theo*). Hằng năm, UBND Thành phố ban hành các Kế hoạch tổ chức việc đánh giá tình hình thi hành Luật Thủ đô, trong đó tập trung nội dung tác động của cơ chế chính sách trong thực tiễn. Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thi hành Luật Thủ đô. UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 phê duyệt Đề án "Nghiên cứu, rà soát tổng thể, xác định những nội dung quy định trong Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương khi triển khai vào thực tiễn chưa phù hợp để đề nghị Trung ương sửa đổi bổ sung

và tiếp tục đề xuất với Trung ương cho phép áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù để phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô".

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết

Việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết đã được các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, đa dạng hình thức (in ấn và phát tài liệu, tuyên truyền trên báo đài, các buổi họp của tổ dân phố, hội diễn văn nghệ,...); 100% các Sở, Ban ngành, đoàn thể và 30/30 quận, huyện, thị xã đã tổ chức hội nghị quán triệt Luật Thủ đô và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đối tượng cán bộ chủ chốt và công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn. Thông qua đó nâng cao ý thức chấp hành, nhận thức sâu sắc về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô trong việc xây dựng và phát triển Thủ đô. UBND Thành phố đã phối hợp với Bộ Tư pháp tập hợp các tư liệu để xây dựng Bộ kỹ yếu Luật Thủ đô nhằm phục vụ nhu cầu tìm hiểu của cán bộ, nhân dân.

3. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

Theo quy định của Luật Thủ đô và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô, HĐND Thành phố có trách nhiệm ban hành 13 nội dung, UBND Thành phố ban hành 03 nội dung; phối hợp trong việc xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Để đảm bảo tiến độ, chất lượng văn bản thuộc thẩm quyền của HĐND và UBND Thành phố theo Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố đã ban hành nhiều văn bản tổ chức triển khai. Đồng thời phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm định, lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan hữu quan, đối tượng chịu sự tác động và phản biện xã hội. Do đó, cơ bản các văn bản thuộc thẩm quyền của thành phố Hà Nội đã được ban hành kịp thời, đảm bảo đúng trình tự thủ tục, hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất về cơ chế chính sách xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô.

a) Nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND thành phố Hà Nội:

Tại kỳ họp tháng 7/2013, HĐND Thành phố đã thông qua 11 Nghị quyết, UBND Thành phố ban hành 02 Quyết định đảm bảo cùng thời điểm Luật Thủ đô có hiệu lực. Có 03 văn bản ban hành chậm.

Ngoài những nội dung Luật Thủ đô giao, HĐND, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành 05 Nghị quyết để bổ sung và sửa đổi theo yêu cầu và văn bản

để quy định chi tiết, bảo đảm thi hành Luật Thủ đô. Tính đến 01/7/2018, thành phố Hà Nội đã ban hành 16 Nghị quyết, 03 Quyết định quy định chi tiết Luật Thủ đô, kịp thời cụ thể hoá quy định của Luật Thủ đô (*Chi tiết Phụ lục số 02 kèm theo*).

b) Công tác phối hợp xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, có 03 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ và 01 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thành phố đã chỉ đạo các ngành chức năng chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các nội dung được giao trong Luật Thủ đô, cụ thể như sau:

- *Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị tại các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng* (Theo quy định tại Khoản 3, Điều 10 Luật Thủ đô, UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ xây dựng dự thảo), tuy nhiên, đến nay do nhiều nguyên nhân văn bản chưa được ban hành.

- *Quy định về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội* (Khoản 1 Điều 9 và Khoản 4 Điều 15), UBND Thành phố phối hợp với Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng dự thảo. Ngày 23/01/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/QĐ-TTg về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội.

- *“Quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội”* (Khoản 3 Điều 14) thuộc trách nhiệm ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đề nghị của UBND thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đề nghị của UBND Thành phố, ngày 05/9/2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

c) Đối với các văn bản quy định chi tiết khác

Bên cạnh các văn bản quy phạm được giao quy định chi tiết theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Luật Thủ đô còn giao Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô (Khoản 2 Điều 23 Luật Thủ đô); Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng nghề trên địa bàn thủ đô theo

nguyên tắc tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và cả nước (Khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô). Tuy nhiên, những nội dung nêu trên chưa được ban hành đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả tổ chức thi hành những quy định của Luật Thủ đô trên thực tế.

4. Công tác kiểm tra, rà soát, giám sát văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô

Công tác kiểm tra, giám sát văn bản đã được HĐND, UBND thành phố Hà Nội quan tâm, thực hiện. Theo đó, đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ động việc tham mưu, giúp HĐND, UBND kịp thời thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát đối với 100% Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND Thành phố. Kết quả kiểm tra, các Nghị quyết, Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô đều được ban hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp về nội dung, hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành văn bản; kết quả rà soát đã kịp thời sửa đổi, bổ sung đối với 02 Nghị quyết của HĐND. HĐND Thành phố thường xuyên thực hiện hoạt động giám sát đối với UBND Thành phố và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô và Nghị quyết HĐND thông qua các hoạt động chất vấn tại các kỳ họp, các hoạt động giám sát, khảo sát theo chuyên đề của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND Thành phố. Tính đến ngày 31/12/2017, HĐND Thành phố đã có 15 cuộc giám sát của Thường trực HĐND và 105 cuộc giám sát, khảo sát của các Ban HĐND. Chủ đề chất vấn tại các kỳ họp, giám sát, khảo sát chuyên đề của HĐND Thành phố đã được lựa chọn trên cơ sở các quy định của Luật Thủ đô như: việc thực hiện quy định về trường chất lượng cao; quản lý, sử dụng biệt thự, nhà thuộc sở hữu nhà nước; cải tạo, xây dựng chung cư cũ, phát triển hệ thống vận tải, hành khách công cộng, việc triển khai các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, xử phạt lĩnh vực đất đai, xây dựng, vi phạm về an toàn phòng cháy chữa cháy... được dư luận cử tri và nhân dân Thủ đô đồng tình, đánh giá cao.

Qua công tác kiểm tra, rà soát, giám sát cho thấy: các quy định của Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết đều được các cấp, các ngành Thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc; các quy định có tính khả thi, giúp cho hoạt động quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực, phạm vi văn bản điều chỉnh có kết quả chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển của Thủ đô. Đồng thời là cơ sở quan trọng để Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời nhằm khắc phục hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện hoạt động quản lý nhà nước nói chung và thực hiện Luật Thủ đô nói riêng trong thời gian qua.

II. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU SAU 05 NĂM THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ VÀ VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Luật Thủ đô và các Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND Thành phố được ban hành đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của chính quyền và nhân dân Thủ đô, các cơ chế chính sách được ban hành đã và đang từng bước đi vào cuộc sống (*Chi tiết Phụ lục số 03 kèm theo*):

1. Về quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô và biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch (Điều 8, Điều 9)

Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch chung). Luật Thủ đô đã thiết lập cơ sở pháp lý nhằm bảo đảm tính thống nhất của các quy hoạch, phải phù hợp với Quy hoạch chung.

a) Việc lập quy hoạch: Thành phố đã chủ động rà soát quy hoạch được phê duyệt (trước khi Luật Thủ đô có hiệu lực), để thực hiện việc điều chỉnh cho phù hợp với Quy hoạch chung. Đến nay đã lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt 26/35 đồ án quy hoạch phân khu, 31/33 đồ án quy hoạch chung (đô thị vệ tinh, huyện, thị trấn) và các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn Thủ đô. Việc lập, phê duyệt quy hoạch và xây dựng không gian đô thị đảm bảo nguyên tắc công khai, đồng bộ, ổn định, lâu dài theo quy định tại Điều 8 Luật Thủ đô.

b) Các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch: Thành phố Hà Nội không xem xét giải quyết các trường hợp mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (chỉ chấp thuận một số dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ, không tăng giường bệnh như bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức...). Theo nhu cầu thực tiễn của các Bộ ngành, Thành phố cũng đã xem xét, giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng các cơ sở bệnh viện, cơ sở giáo dục, các cơ quan để phục vụ di dời.

- Biện pháp di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, công nghiệp ra ngoài khu vực nội thành: Thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị; đã tổ chức việc quan trắc, phân tích đánh giá ô nhiễm môi trường tại các cơ sở có khả năng gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn 12 quận nội thành. Thực hiện việc rà soát, đối chiếu, xác định các cơ sở không phù hợp quy hoạch và dự kiến quy hoạch sử dụng đất sau khi di dời. Qua đó đã xác định lộ trình đến năm 2020 di dời 117 cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn 12 quận ra khỏi nội thành. Đã tổ chức phân nhóm tiêu chí, thứ tự di dời. Bước đầu xây dựng cơ chế mang tính nguyên tắc chung áp dụng đối với từng loại đối tượng để hỗ trợ, khuyến khích thực hiện di dời, khai thác sử dụng

quỹ đất tạo nguồn vốn tái đầu tư cho các cơ sở phải di dời.

Đối với công tác di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục theo Quyết định 130/QĐ-TTg, các Bộ được giao nhiệm vụ chưa trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt danh mục, tiêu chí, lộ trình và biện pháp, cơ chế tài chính về di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục cần phải di dời ra ngoài khu vực nội thành. Đối với quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở làm việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể tại Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 đang được Bộ Xây dựng chủ trì lập theo nhiệm vụ Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 837/QĐ-TTg ngày 04/6/2014 (trong đó yêu cầu xác định các trụ sở Bộ, ngành cần phải di dời). Trong quá trình xây dựng nhiệm vụ, UBND Thành phố đã có văn bản tham gia ý kiến.

- *Về quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường:* Thành phố đã tổ chức rà soát, xây dựng danh mục đề án đến năm 2020 gồm: 56 đề án quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường (42 đề án giao trước năm 2015), nhằm đảm bảo quy hoạch chi tiết trục đường mới trong đô thị theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Luật Thủ đô và Khoản 3, Điều 31 Luật Quy hoạch đô thị, phải đảm bảo phạm vi lập quy hoạch mở rộng mỗi bên khoảng 50m. Sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực, Thành phố đã phê duyệt một số đề án quy hoạch chi tiết 2 bên tuyến đường.

2. Về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị (Điều 10)

a) Về quản lý, bảo tồn không gian kiến trúc cảnh quan, công trình có giá trị: Thành phố đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý xây dựng để quản lý, kiểm soát quy hoạch phát triển đô thị theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô. Đã phê duyệt hơn 136 đề án quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị, hai bên tuyến đường, các dự án hạ tầng xã hội, kỹ thuật đô thị. Thực hiện rà soát 642 đề án, dự án trên địa bàn mở rộng; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục triển khai 329 đề án, dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch Hà Nội mở rộng. Hoàn thành việc rà soát, đề xuất cho dừng, giãn và hoãn, chuyển đổi mục đích đầu tư các dự án không phù hợp quy hoạch. Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà biệt thự xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố; tiếp tục công tác chỉnh trang, bảo tồn phố cổ, phát huy giá trị không gian đi bộ khu bảo tồn cấp 1 trong khu phố cổ (với 12 tuyến phố) kết nối với không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm đạt hiệu quả cao đáp ứng được yêu cầu của nhân dân và khách du lịch.

b) Về cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến đường giao thông, thiết kế đô thị:

Thành phố đã phê duyệt danh mục đề án đến năm 2020 gồm 94 đề án thiết

kế đô thị (trong đó 46 đồ án giao trước năm 2015). Công tác chỉnh trang, nâng cấp đô thị được triển khai đồng bộ. Nhiều vườn hoa, công viên được cải tạo, xây mới; nhiều tuyến phố được chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Hệ thống cây xanh đô thị được tập trung đầu tư và phát triển gắn với hệ thống công viên, hồ nước tạo thành không gian xanh đô thị, phục vụ công cộng. Hệ thống chiếu sáng, trang trí đô thị được đầu tư chiều sâu, đảm bảo ngày càng sáng hơn, đẹp hơn.

c) Về xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực 04 quận: Thành phố đã phối hợp với Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia (thuộc Bộ Xây dựng) tổ chức xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực các quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, tuy nhiên đến nay chưa ban hành (chi tiết cụ thể tại Điểm 3 Mục I Báo cáo).

3. Về bảo tồn và phát triển văn hoá (Điều 11)

a) Về tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa: Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc phố cổ Hà Nội và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. HĐND thành phố đã phê duyệt danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc xây dựng trước năm 1954 và di sản phi vật thể trên địa bàn Thủ đô. Đã triển khai và đạt được một số kết quả tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của Thủ đô. Các nguồn lực văn hóa được quản lý, khai thác, sử dụng đáp ứng yêu cầu bảo tồn, phát huy giá trị, không chỉ mang lại hiệu quả phát triển kinh tế..., mà còn phục vụ phát triển du lịch của Thủ đô.

b) Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô

Thành phố ban hành quy định về quy trình, tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công viên, vườn hoa, khu vui chơi, giải trí, công trình văn hóa không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đến nay, đã huy động được gần 400 tỷ đồng cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa; công bố Danh mục các dự án dự kiến thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020 (đợt 1). Các làng nghề truyền thống có trong danh mục đã được cộng đồng nhân dân quan tâm, bảo tồn để phát triển du lịch. Các loại hình văn hóa phi vật thể được HĐND Thành phố ban hành trong Nghị quyết như Ca trù, Hội Gióng được chính quyền và nhân dân Thủ đô quan tâm đặc biệt.

4. Về phát triển Giáo dục và Đào tạo (Điều 12)

a) *Quy định thực hiện phổ cập và phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.* Thành phố đã ban hành quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi sớm trước thời hạn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 02 năm và trước kế hoạch của Thành phố 01 năm. Đến năm 2018 thành phố Hà Nội đã công nhận trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học.

b) *Việc thực hiện quy định xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.* Đến năm 2018, toàn Thành phố có 16 trường được Thành phố ra quyết định công nhận trường chất lượng cao (07 trường mầm non, 04 trường tiểu học, 02 trường THCS, 03 trường THPT).

5. Phát triển khoa học và công nghệ (Điều 13)

a) *Về phát triển khoa học công nghệ:*

Thành phố ban hành một số chủ trương, giải pháp phát triển đồng bộ khoa học và công nghệ. Thành phố đã triển khai 511 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ. Với mục tiêu phát triển thị trường khoa học công nghệ tạo môi trường để các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học công nghệ quảng bá, giới thiệu các công nghệ, thiết bị tiên tiến, công nghệ sạch thúc đẩy phát triển giao dịch mua bán công nghệ, gắn kết giữa nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ sản xuất, kinh doanh, xúc tiến đầu tư thương mại hóa sản phẩm, hỗ trợ đổi mới công nghệ và thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập và phát triển, hàng năm Thành phố phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thành công Chợ công nghệ (Techmart Hanoi). Với mục tiêu phát triển khoa học - công nghệ gắn với phát triển kinh tế tri thức, Thành phố triển khai xây dựng Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ.

b) *Về chính sách trọng dụng nhân tài; chính sách ưu đãi để áp dụng đổi mới với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô:*

Thành phố đã quyết định tiếp nhận 53 thủ khoa xuất sắc vào làm việc tại các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố; tuyển dụng đặc cách đối với 54 vận động viên xuất sắc đạt Huy chương tại giải thi đấu Thể thao quốc tế, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú công tác các cơ quan, đơn vị; bổ sung kinh phí cho Quỹ khuyến khích và đào tạo tài năng của Thành phố số tiền là 68 tỷ đồng nhằm đảm bảo đủ kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân tài của Thành phố.

c) Thực hiện chính sách ưu đãi để áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô:

Hằng năm, Thành phố đã bố trí kinh phí chi sự nghiệp khoa học công nghệ đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, chương trình về khoa học, công nghệ của Thành phố, với tỷ lệ không thấp hơn chỉ tiêu Trung ương giao. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố luôn được duy trì tối thiểu là 100 tỷ đồng. Đã có 82 dự án, đề tài thu hút được sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín và sự phối hợp của các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ. Thành phố tổ chức Hội nghị giữa 3 nhà (nhà quản lý - nhà khoa học - nhà sản xuất, kinh doanh) nhằm tạo sự gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với quản lý và sản xuất kinh doanh; thúc đẩy việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu, thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tế quản lý, sản xuất kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh.

6. Quản lý và bảo vệ môi trường (Điều 14)

Thành phố đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, đã tập trung triển khai nhiều chương trình, dự án, đề án nhằm từng bước cải thiện môi trường Thủ đô, trong đó chương trình trồng 1 triệu cây xanh, việc triển khai dự án, đề án thử nghiệm nạo vét và xử lý nước sông, hồ đã đạt được những kết quả nhất định, chất lượng nước các hồ được cải thiện; hạ tầng kỹ thuật (chiếu sáng, cây xanh, đường dạo, vỉa hè) đã hoàn thiện hơn, môi trường từng bước được cải thiện.

7. Quản lý đất đai (Điều 15)

a) Về quy hoạch sử dụng đất: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) đã được Chính Phủ phê duyệt, làm cơ sở để Thành phố quyết định phân bổ chỉ tiêu và tổ chức phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất cho 30/30 quận, huyện, thị xã theo đúng tiến độ. Đồng thời Thành phố đã kịp thời điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020). Việc tổ chức thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Công tác thu hồi, đất giao đất, cho thuê đất đã góp phần tạo nguồn thu ngân sách từ đất hàng năm khoảng 12.000 - 13.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 10% tổng nguồn thu ngân sách Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng Thủ đô. Việc tổ chức xây dựng, công bố công khai quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, hệ thống thông tin địa lý; thông tin về địa

chính, giá quyền sử dụng đất, giá cho thuê đất, thông tin về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn Thủ đô đã được thực hiện nghiêm theo đúng quy định của Luật Thủ đô.

b) Về biện pháp đảm bảo việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô: Thành phố ban hành quyết định về quy định trình tự, thủ tục ban hành quyết định về kế hoạch tổ chức thực hiện thu hồi đất, khảo sát, điều tra, kiểm đếm, các biện pháp thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và phân kỳ thu hồi đất, giao đất giải phóng mặt bằng. Quy định về thưởng tiến độ đã khuyến khích, tạo sự đồng thuận cao trong việc chấp hành, bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được thực hiện nhanh và thuận tiện hơn. Nhiều dự án trọng điểm, nhất là các tuyến đường vành đai I, II, đã hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; vượt tiến độ đề ra, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thành phố.

8. Về phát triển và quản lý nhà ở (Điều 16)

a) Chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành: Thành phố đã tổ chức việc rà soát, công khai Danh mục các dự án ưu tiên, kêu gọi đầu tư cho kỳ kế hoạch đầu tư 5 năm, hàng năm nhằm thúc đẩy việc giãn dân, giảm mật độ dân cư trong các quận nội thành. Tuy nhiên, kết quả do các đơn vị xây dựng chưa đúng theo yêu cầu, chưa xác định cơ chế đầu tư để đề xuất lập Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư cho kỳ kế hoạch đầu tư 5 năm, kế hoạch đầu tư hàng năm, kêu gọi, thu hút các Nhà đầu tư (trong nước, nước ngoài) tham gia đầu tư trên từng địa bàn nên từ đó lập Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư không rõ ràng về thông số chi tiết, chưa cụ thể về vị trí, chưa rõ việc sử dụng nguồn vốn đầu tư, mục tiêu đầu tư mới định tính, gây sự trùng lặp về dự án.

b) Chính sách cải tạo chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp: Thành phố đã tiến hành rà soát xác định trên địa bàn hiện có 1.579 nhà chung cư cũ, quy mô từ 2 đến 5 tầng, tập trung chủ yếu tại 4 quận nội thành cũ (969 nhà chung cư cũ), nhiều nhà chung cư xuống cấp nghiêm trọng, một số nhà hư hỏng nặng, nguy hiểm; đã tiến hành kiểm định được 340 chung cư cũ. Đã thực hiện việc di dời người dân ra khỏi các chung cư nguy hiểm để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân. Đến năm 2018, Thành phố đã hoàn thành xây dựng mới đưa vào sử dụng 14 chung cư cũ, phá dỡ 05 chung cư để cải tạo xây dựng mới; UBND thành phố giao 19 nhà đầu tư lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để thực hiện cải tạo, xây dựng lại 28 khu chung cư tập trung với thời gian hoàn thành 06 tháng.

c) Về quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới (Khoản 4, Điều 16):

Thành phố ban hành quy định về diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, các dự án nhà thương mại, khu đô thị mới có quy mô sử dụng đất từ 10ha trở lên phải dành 25% diện tích đất ở hoặc 25% diện tích nhà ở để phát triển nhà ở xã hội. Trong 5 năm qua, việc thực hiện Nghị quyết được thực hiện nghiêm túc, các dự án có quy mô từ 10ha trở lên khi phê duyệt quy hoạch và thực hiện dự án đều bố trí quỹ đất hoặc diện tích nhà ở để phát triển nhà ở xã hội theo đúng quy định.

9. Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (Điều 17)

Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị khẩn trương thực hiện việc lập các đồ án Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đến nay, toàn bộ 05/05 đồ án Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải được Thành phố quan tâm, ưu tiên đầu tư và có chính sách huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng. Thành phố ban hành quy định về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác, áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải. Thành phố thực hiện sắp xếp điều chuyển luồng tuyến vận tải hành khách liên tỉnh bằng xe ô tô trên địa bàn Thành phố, đến nay đã hoàn thành 623/681 lượt của 24 tỉnh, chiếm 99%.

10. Về phát triển và quản lý giao thông vận tải (Điều 18)

a) Về quy hoạch mạng lưới, phát triển hệ thống giao thông vận tải: Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các quy hoạch chuyên ngành khác trong lĩnh vực giao thông vận tải (bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố, hệ thống bến thủy nội địa...) cũng đang được khẩn trương nghiên cứu hoàn thiện. Việc quản lý cầu, hầm, đường bộ trên địa bàn Thành phố đặc biệt quản lý các tuyến quốc lộ trên địa bàn đã được phân định rõ hơn, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động thực hiện. Nhiều dự án, công trình phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải được ưu tiên đầu tư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao năng lực mạng lưới hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

b) Về phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn: Thành phố ưu tiên về tổ chức giao thông đảm bảo để các phương tiện vận tải hành khách công cộng vận hành thông suốt, hạn chế tối đa các trở ngại, đảm bảo thuận tiện cho hành khách. Ưu tiên đổi mới phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng. Khuyến khích sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, có chính sách miễn, giảm vé xe buýt cho các đối tượng học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp, người cao tuổi. Ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với các đối tượng học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp, người cao tuổi. Ngân sách Thành phố hỗ trợ 30% giá vé cho cán bộ, nhân viên tại các văn phòng, công sở, doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp mua vé tháng theo hình thức tập thể. Thành phố thực hiện nhiều biện pháp như: hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, miễn lệ phí trước bạ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch, miễn thuế nhập khẩu phụ tùng, linh kiện thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để sản xuất, lắp ráp phương tiện hành khách công cộng.

c) Về áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải: Thành phố đã ban hành Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 trong đó xác định rõ nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông, các phần mềm quản lý điều hành hệ thống giao thông thông minh, điều hành tổ chức giao thông và xử lý vi phạm giao thông. Xây dựng bản đồ giao thông số trực tuyến để phục vụ công tác quản lý, điều hành và điều tiết giao thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng điểm đỗ xe nhằm tối ưu nhu cầu đỗ xe. Thành phố đã áp dụng công nghệ cho hệ thống vé điện tử của mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố nhằm từng bước hình thành một hệ thống vé điện tử duy nhất liên thông trong toàn mạng. Song song với sự hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản, Thành phố đã chỉ đạo giao liên danh Tổng Công ty vận tải Hà Nội – Viettel triển khai dự án hệ thống vé điện tử thí điểm cho tuyến xe buýt BRT và nhân rộng ra toàn bộ mạng tuyến buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố.

11. Về quản lý dân cư (Điều 19)

Thành phố đã ban hành quy định diện tích bình quân đối với nhà cho thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành thành phố Hà Nội, bước đầu hạn chế tình trạng di dân tự phát, giảm áp lực về dân số trong nội thành. Bên cạnh đó đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp trong công tác quản lý dân cư vừa đảm bảo đúng quy định của pháp luật cũng như đảm bảo quyền tự do cư trú của công dân. Tổ chức triển khai áp dụng và bước đầu thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, quản lý cư trú như: triển khai quản lý dữ liệu dân cư trên hệ thống máy tính theo Đề án đơn giản hóa thủ

tục hành chính, giấy tờ công dân của Chính phủ; tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú qua máy tính, thực hiện tiếp nhận thông báo lưu trú trực tuyến. Hiện thành phố đang nghiên cứu để thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú cho công dân qua mạng internet.

12. Về bảo vệ và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô (Điều 20)

Trách nhiệm bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô. Thành phố đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo giữ vững, ổn định An ninh Quốc gia; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và Thủ đô; không để xảy ra khủng bố, phá hoại, biểu tình, gây rối an ninh trật tự, đình công, lãn công trái pháp luật kéo dài phức tạp, các hoạt động rải tờ rơi, truyền đơn có nội dung chính trị xấu; không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh trật tự.

Việc triển khai quy định mức xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi hành chính trong lĩnh vực văn hóa, xây dựng ở nội thành đã thực hiện nghiêm túc. Việc quy định và áp dụng mức xử phạt cao hơn đối với cùng hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý văn hóa và xây dựng tại các quận nội thành có tác dụng răn đe, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước, góp phần làm giảm số vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực nêu trên.

13. Chính sách, cơ chế tài chính, ngân sách (Điều 21)

Chính sách, cơ chế về tài chính theo quy định Luật Thủ đô qua 05 năm thực hiện đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; tạo khuôn khổ pháp lý về cơ chế quản lý tài chính - ngân sách cho Thủ đô về ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn viện trợ, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương, mức huy động vốn đầu tư phát triển, thương vượt dự toán thu ngân sách và đầu tư trở lại. Do vậy, tăng nguồn lực cho địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng đã có bước phát triển tích cực, đồng thời đảm bảo quản lý ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả. Kết quả, cụ thể như sau:

Với mục đích huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, đến nay Thành phố đã huy động 11.400 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô. Nguồn vốn huy động được sử dụng để bổ sung nguồn chi cho đầu tư phát triển cụ thể là các công trình trọng điểm của Thành phố. Bên cạnh đó, để đảm bảo đẩy nhanh các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, Thành phố đã vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam

500 tỷ đồng để thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố.

Về thực hiện chính sách thưởng và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương, trong giai đoạn 2014-2015, Trung ương đã thực hiện thưởng và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương cho Thành phố là 2.295 tỷ đồng (năm 2014 là 1.996,8 tỷ đồng, năm 2015 là 297,9 tỷ đồng).

Thực hiện quy định Khoản 3 Điều 21 Luật Thủ đô, trong các năm từ 2014 đến nay, ngân sách trung ương đã hỗ trợ ngân sách thành phố gần 1.115 tỷ đồng để thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư lớn trên địa bàn Thành phố. Các dự án này đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực thủy lợi, đê kè chống sạt lở bờ sông Hồng, sông Đuống, giúp bảo vệ an toàn đê điều, tính mạng, tài sản của nhân dân...

14. Cơ chế phối hợp các tỉnh trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh.

Vùng Thủ đô Hà Nội là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm thành phố Hà Nội và 09 tỉnh. Sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, quyết định điều chỉnh, bổ sung nhân sự Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội. Thực hiện Quy hoạch được phê duyệt, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô Hà Nội phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương qua đó góp phần tích cực vào sự phát triển chung của Vùng Thủ đô cũng như cả nước.

Trên cơ sở đó, thành phố Hà Nội và các tỉnh trong Vùng Thủ đô đã hoàn thành việc phê duyệt các đề án Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu và Quy hoạch ngành, lĩnh vực của từng địa phương. Thành phố Hà Nội với vai trò là đô thị hạt nhân đã hợp tác các địa phương trong Vùng thực hiện các công trình trọng điểm tại các địa bàn giáp ranh; mở các tuyến xe buýt đến các tỉnh phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Thực hiện hỗ trợ các tỉnh trong Vùng trong phòng chống dịch bệnh; đào tạo, chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu và ứng dụng khoa học trong khám chữa bệnh; hợp tác trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm du lịch.... Các tỉnh trong Vùng Thủ đô đã chủ động trong bố trí quỹ đất giao cho các Bệnh viện tuyến trung ương triển khai đầu tư cơ sở 2; một số trường Đại học và có chính sách thu hút các trường đại học, cao đẳng di dời ra khỏi nội thành Hà Nội.

15. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô (Chương III)

Trên cơ sở quy định của Luật Thủ đô về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô, một số cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai nhiều hoạt động để thực hiện nhiệm vụ. Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội đã thực hiện việc giám sát thi hành Luật Thủ đô. Các Bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của thành phố, đảm bảo tính kịp thời trong ban hành văn bản. Hằng năm, HĐND Thành phố tổ chức hoạt động giám sát, xem xét báo cáo của UBND Thành phố về thực hiện Luật Thủ đô; UBND thành phố Hà Nội đã chủ động ban hành Kế hoạch, tổ chức đánh giá việc thi hành Luật Thủ đô; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Sau 5 năm triển khai thi hành Luật Thủ đô, thành phố Hà Nội đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan, tích cực triển khai thực hiện. Các quy định của Luật đã từng bước đi vào cuộc sống, có tác dụng tích cực trong việc xây dựng và phát triển Thủ đô. Việc thực hiện Luật bước đầu đã tập trung huy động được nguồn lực to lớn của xã hội, tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an toàn tuyệt đối và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của cơ quan Trung ương của Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và các chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thủ đô; phát huy được vị thế, vai trò, tạo động lực phát triển, mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác, hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước cùng phát triển. Thủ đô đang ngày càng khang trang, to đẹp, thân thiện hơn đối với người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Một số kết quả, cụ thể:

- Các cơ chế đặc thù quy định trong Luật bước đầu đã giúp thành phố Hà Nội huy động được nguồn lực, tạo bước đột phá về tăng cường đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông và hạ tầng kỹ thuật khung làm cơ sở để đẩy nhanh tiến trình xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, nâng cao đời sống nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an, toàn xã hội. Kinh tế Thủ đô tăng trưởng nhanh, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều hoàn thành hoặc vượt. Thành phố đẩy nhanh và đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường, đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tích cực hợp tác Vùng và cả nước, chủ động hội nhập quốc tế, vị thế của Thủ đô tiếp tục được nâng cao.

- Các quy định liên quan đến biện pháp bảo đảm quy hoạch, quản lý đất đai, không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị đã được triển khai thực hiện. Các đồ án quy hoạch, quy chế, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy hoạch nông thôn mới, phủ kín toàn bộ diện tích rộng lớn của Thủ đô đã được phê duyệt, tạo hành lang pháp lý quản lý và phát triển đô thị, phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống và chất lượng cuộc sống của nhân dân, xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành Thành phố “Xanh - Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”.

- Một số cơ chế chính sách đặc thù của Thành phố như: Xây dựng cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, chính sách trọng dụng nhân tài, phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn... đã được triển khai và có tác động tích cực. Các ngành, các cấp chính quyền đã quan tâm, tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa quy định trong Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô, qua đó đã tác động tích cực đến nhận thức, trách nhiệm của nhân dân Thủ đô.

- Tạo khuôn khổ pháp lý về cơ chế quản lý tài chính - ngân sách cho Thủ đô về ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn viện trợ, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương, mức huy động vốn đầu tư phát triển, thường vượt dự toán thu ngân sách và đầu tư trở lại. Do vậy, tăng nguồn lực cho địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng đã có bước phát triển tích cực, đồng thời đảm bảo quản lý ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả. Nhìn chung thu ngân sách nhà nước không những bảo đảm được chi thường xuyên và chi trả nợ mà còn dành tích lũy cho đầu tư phát triển. Việc tăng cường phân cấp nguồn thu gắn với cơ chế thưởng vượt dự toán thu và đầu tư trở lại đã góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm, tạo chủ động cho các cấp chính quyền địa phương trong việc quan tâm nuôi dưỡng, khai thác nguồn thu trên địa bàn. Qua đó, Thành phố đã có thêm nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội.

- Công tác đảm bảo an ninh trật tự, quản lý dân cư, đăng ký cư trú và xử phạt vi phạm hành chính bước đầu đạt được những kết quả tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân cũng như hạn chế vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô trong tình hình mới, phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô.

2. Một số vướng mắc, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

a) Hạn chế, tồn tại về công tác chỉ đạo, triển khai thi hành Luật Thủ đô:

Sự phối hợp giữa thành phố Hà Nội và một số Bộ, ngành trong việc xây dựng một số văn bản triển khai cụ thể hóa Luật Thủ đô còn chậm¹. Công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển, đề xuất Trung ương cơ chế, chính sách đặc thù tạo điều kiện cho Thủ đô phát triển còn chưa đầy đủ, đồng bộ, kịp thời so với yêu cầu. Do chưa dự liệu được tính chất phức tạp và khả năng bảo đảm thực thi các quy định trên thực tế sau khi ban hành, do vậy chậm trong việc ban hành một số văn bản quy định chi tiết Luật và cơ chế chính sách cần thiết khác để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các quy định của Luật.

b) Hạn chế, vướng mắc trong thi hành các quy định Luật Thủ đô và các văn bản pháp luật liên quan

- Khó khăn, vướng mắc chung:

+ Một số quy định của Luật Thủ đô như: Mục tiêu hướng tới xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại; phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống giao thông đường bộ hiện đại; thực hiện chính sách giãn dân ra ngoại thành và các tỉnh, thành phố khác còn mang tính nguyên tắc, định hướng chung, chưa đảm bảo tính khả thi. Luật Thủ đô đề ra nhiều nhiệm vụ cần phải tập trung nguồn lực để đảm bảo thực hiện trong cùng một thời điểm, nên khó khăn khi tổ chức thi hành. Nhiều vấn đề lịch sử để lại từ trước khi ban hành Luật Thủ đô như: vấn đề trường học, bệnh viện, trục đường giao thông, nhà chung cư, biệt thự cũ, nhà siêu mỏng, siêu méo... vẫn chưa đủ điều kiện để giải quyết dứt điểm.

+ Phần lớn các văn bản là căn cứ pháp lý ban hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết đã sửa đổi, bổ sung, thay thế (Hiến pháp 2013, Luật Đất đai 2013, Luật Xây dựng 2014, Luật Nhà ở, Luật Chính quyền địa phương, Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công...), nên việc thực hiện một số quy định của Luật Thủ đô bị hạn chế bởi các quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau về thẩm quyền, cơ chế tự chủ của chính quyền Hà Nội.

+ Phần lớn các cơ chế chính sách, quy định trong các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền ban hành của Thành phố (Nghị quyết, Quyết định) chưa thực sự tác động nhiều, tích cực cho động lực phát triển hoặc khả thi trên thực tế. Do đó, cần phải được rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, đảm bảo tính khả thi của văn bản.

¹ Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị phù hợp với điều kiện thực tế để lập quy hoạch, thiết kế đô thị tại các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng (Khoản 3 Điều 10); Phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng nghề trên địa bàn Thủ đô theo hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và cả nước (Khoản 2 Điều 12); Quy chế cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô (Điều 23, 24).

+ Luật Thủ đô còn thiếu những quy định nhằm đảm bảo cho thành phố Hà Nội trong việc xây dựng chính quyền đô thị, quản lý các đô thị vệ tinh; cơ chế chỉ định thầu đối với một số dự án quan trọng...

+ Thành phố Hà Nội triển khai nhiều dự án lớn, tuy nhiên thời gian thẩm định, phê duyệt và bố trí vốn thường kéo dài, chậm triển khai, chưa phát huy tính chủ động và thu hút các nguồn lực để xây dựng và phát triển Thủ đô. Do vậy, Trung ương cần nghiên cứu quyết định việc phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ cụ thể ở một số lĩnh vực, tạo sự chủ động cho Thành phố trong thu hút đầu tư, lập, phê duyệt và triển khai các dự án.

- Tác động đến việc phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô:

+ Quy mô và tốc độ phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của Thủ đô (về không gian phát triển và nguồn lực về đất đai, nguồn lực con người; chưa phát huy hết thế mạnh về vốn, khoa học công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, thị trường lao động của Thủ đô).

+ Kinh tế tri thức chưa có chuyển biến mạnh, kết quả chưa rõ nét; công nghệ, quản lý sản xuất chậm đổi mới, năng suất lao động tăng chậm, các biện pháp gia tăng đầu ra chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả chưa cao; chất lượng sản phẩm hàng hóa còn thấp, chưa tạo ra được những sản phẩm thực sự là mũi nhọn, chủ lực có sức cạnh tranh cao.

+ Chất lượng tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ còn hạn chế, chưa dựa vào đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chưa hình thành nhiều vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, tập trung; tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp chưa cao; ứng dụng công nghệ cao để phát triển sản xuất còn thấp, chưa đồng bộ; chưa có khu nông nghiệp công nghệ cao; chưa hình thành nhiều chuỗi giá trị liên kết trong sản xuất nông nghiệp; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, nhất là doanh nghiệp đầu tư cho các khâu sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

- Về quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô và biện pháp bảo đảm quy hoạch: Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong quy hoạch đối với một số loại công trình công cộng trong khi vực nội thành chưa đồng bộ; công tác giám sát thực hiện dự án đầu tư các khu đô thị trên địa bàn còn nhiều bất cập; công tác quản lý và thực hiện quy hoạch còn hạn chế; việc thực hiện các khu chức năng, đô thị vệ tinh chậm. Chưa xây dựng, phát triển được Thủ đô thành một tổng thể đa trung tâm, có cấu trúc hoàn chỉnh hiện đại gắn với phát triển các thành phố vệ tinh; chưa có các đô thị, vùng chức năng gắn với vùng cảnh quan/ di tích tập trung tại Ba Vì, Suối Hai, Hương Sơn, Cổ Loa,... Việc di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp

ra khỏi nội thành còn chậm; công tác quản lý quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được thực hiện nghiêm theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ; quỹ đất sau khi di dời chưa được bàn giao để quản lý theo quy hoạch. Do đó, rất khó thực hiện mục tiêu giảm mật độ dân số tại khu vực nội thành theo Quy hoạch chung.

- *Về quản lý, bảo tồn không gian, kiến trúc, cảnh quan, công trình có giá trị:* còn gặp nhiều khó khăn do việc lưu trữ, quản lý hồ sơ các công trình có giá trị qua các thời kỳ còn thiếu, chưa đầy đủ. Tình trạng lấn chiếm, xây dựng không phép, trái phép trong thời gian trước đây đã phá vỡ công năng, kiến trúc, làm biến dạng các công trình có giá trị. Công tác chỉnh trang các đường giao thông quan trọng trong nội thành được thực hiện đồng bộ với việc cải tạo, chỉnh trang các công trình hai bên đường, đảm bảo gìn giữ không gian, kiến trúc đặc trưng của đô thị đã triển khai nhưng chưa nhiều, vẫn tồn tại tình trạng nhà siêu mỏng, siêu méo gây mất mỹ quan đô thị trên các tuyến phố, tuyến đường mới được mở rộng trong nội thành. Do hiện nay chưa ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, kiến trúc tại các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng làm cơ sở lập quy hoạch, thiết kế đô thị để thực hiện. Thành phố chưa có cơ khuyến khích người dân tự nguyện tham gia cùng chính quyền trong chỉnh trang đô thị nơi mình sinh sống.

- *Về bảo tồn và phát triển văn hóa:* Mặc dù đã quan tâm đến công tác bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, tuy nhiên chưa có chiến lược phát huy giá trị văn hóa Thủ đô một cách đồng bộ về các mặt như kinh tế, giáo dục...; còn thiếu cơ chế thực hiện quyền lợi của các tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô; việc lưu trữ, quản lý hồ sơ các công trình có giá trị qua các thời kỳ cũng chưa được đầy đủ. Chưa phát huy hết các giá trị văn hóa của Thăng Long – Hà Nội; Xứ Đoài để tạo nên các sản phẩm văn hóa lớn. Một số tiêu chí xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét về văn hóa ứng xử, nếp sống văn minh đô thị của người dân.

- *Về quản lý biệt thự, công trình kiến trúc cổ:* mới dừng ở công tác rà soát, lập danh mục. Nhiều biệt thự, công trình kiến trúc cổ biến dạng, xuống cấp có nguy cơ sập đổ nhưng chưa được bảo tồn đúng quy định. Nguyên nhân, việc phục dựng, bảo tồn biệt thự, công trình kiến trúc cổ cần có nguồn kinh phí rất lớn; chưa có cơ chế quản lý hữu hiệu và huy động nguồn lực của cá nhân, tổ chức trong quá trình quản lý, sử dụng biệt thự, công trình kiến trúc cổ.

- *Về phát triển giáo dục:* Công tác giáo dục và đào tạo còn một số mặt

chuyển biến chậm; tình trạng quá tải của hệ thống trường công lập chưa được giải quyết dứt điểm. Tiến độ công nhận trường chất lượng cao chậm, gặp khó khăn trong triển khai thực hiện đặc biệt là các huyện, bởi các điều kiện về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn thiếu kinh nghiệm, việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất đòi hỏi cần có thời gian. Quá trình thực hiện việc xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô vẫn còn những ý kiến về tính hợp lý trong việc phân biệt chất lượng dịch vụ công với chất lượng cao của quy định này.

- Về phát triển khoa học - công nghệ:

+ Khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với lợi thế, tiềm năng, chưa phát huy được vai trò là động lực phát triển KT-XH Thủ đô, nhiều lĩnh vực chưa theo kịp trình độ phát triển của khu vực. Cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chưa đồng bộ, chậm được đổi mới, hiệu quả còn thấp. Các nội dung ưu đãi của Nghị quyết 04/2013/NQ-HĐND khó thực hiện trên thực tế, bởi chưa có hướng dẫn về cơ chế tài chính để triển khai các hoạt động hỗ trợ cho vay của quỹ phát triển khoa học công nghệ Thành phố, nên chưa khuyến khích và thu hút được sự tham gia của đông đảo các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi.

Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của Thành phố tập trung đông, nhưng chưa hợp lý về ngành nghề, trình độ lĩnh vực hoạt động, còn thiếu những chuyên gia đầu ngành. Đội ngũ cán bộ nghiên cứu được trang bị khá vững về lý thuyết nhưng còn hạn chế về năng lực thực hành, kỹ năng về công nghệ. Thành phố chưa khai thác tối đa tiềm lực cơ sở vật chất và nguồn lực chất xám của các cơ quan, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng ở Trung ương đóng trên địa bàn; chưa huy động được các tổ chức kinh tế và doanh nghiệp tích cực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó, vẫn còn thiếu cơ chế hiệu quả để hỗ trợ các sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ trở thành sản phẩm hàng hóa, đáp ứng nhu cầu các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

+ Tuy chính sách trọng dụng nhân tài được Thành phố quan tâm, nhưng số lượng sinh viên tốt nghiệp thủ khoa xuất sắc của các trường đại học, cao đẳng được tuyển dụng bố trí làm việc tại các cơ quan đơn vị thuộc Thành phố và các quận, huyện, thị xã còn chiếm tỷ lệ thấp. Nguyên nhân, chính sách trọng dụng nhân tài chỉ dừng ở chế độ tuyển dụng không qua thi tuyển, chế độ đãi ngộ chưa hợp lý nên chưa thực sự giữ được người tài phục vụ cho Thành phố.

- Về quản lý và bảo vệ môi trường: Quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô đã được ban hành, đòi hỏi các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các làng nghề... đầu tư hệ thống xử lý chất thải với công nghệ hiện đại để đáp ứng dẫn đến chi phí đầu tư cao.

- *Về quản lý đất đai:* Quản lý đất đai, trật tự xây dựng có mặt còn yếu kém; công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn. Việc di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ra khỏi nội thành còn chậm; công tác quản lý quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa được thực hiện do các bộ, ngành chưa thực hiện theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Các biện pháp của Nghị quyết 09/2013/NQ-HĐND, nhất là các biện pháp về tài chính (*nâng mức thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng sớm*), chỉ được áp dụng tại các dự án đầu tư quan trọng và cho các phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND cấp huyện phê duyệt từ ngày 27/7/2013. Do vậy, trong quá trình triển khai có sự so sánh về mức thưởng tiến độ giữa các dự án thuộc nhóm các dự án đầu tư quan trọng và các dự án còn lại cùng thực hiện trên địa bàn và cùng thời điểm.

- *Về phát triển và quản lý nhà ở:*

+ Việc bố trí 25% diện tích đất ở hoặc 25% quỹ sàn nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong cùng dự án rất khó thực thi, bởi quy hoạch dự án nhà ở, khu đô thị cao cấp và nhà ở xã hội trong cùng dự án là không tương thích về hạ tầng kỹ thuật, hơn nữa do chung hạ tầng kỹ thuật cho nên giá căn hộ, giá dịch vụ trong khu đô thị, dự án nhà ở là rất cao so với mặt bằng chung thu nhập của người được mua nhà ở xã hội. Do vậy, cần nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 16 Luật Thủ đô theo hướng bổ sung hình thức, cho phép Chủ đầu tư Dự án khu đô thị, nhà ở thương mại cao cấp có diện tích trên 10 ha được lựa chọn một trong các hình thức triển khai dự án nhà ở xã hội nộp số tiền tương đương với giá diện tích phải dành phát triển nhà ở xã hội của Thành phố.

+ Việc cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các khu chung cư cũ trong nội thành chậm và còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách; năng lực của một số chủ đầu tư, nhà đầu tư, nhà thầu, tư vấn ở một số dự án còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Nguyên nhân chủ yếu là do các khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp được xây dựng trên nguyên tắc xã hội hóa tự cân đối tài chính theo phương thức “dân tự làm, Nhà nước hỗ trợ pháp lý”. Tuy nhiên do việc xây dựng lại chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp phải tuân thủ trên chỉ tiêu quy hoạch (chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và đấu nối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu vực), chính sách hỗ trợ, tái định cư tại chỗ chưa thống nhất. Công tác rà soát, đánh giá, lập danh mục khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp để công bố thu hút đầu tư còn chậm.

- *Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải:* Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng như thu gom, xử lý nước thải có công nghệ hiện đại đòi hỏi có nhu cầu vốn đầu tư rất cao, trong khi ngân sách nhà nước để đầu tư

xây dựng chưa đáp ứng đầy đủ, do vậy nguồn vốn đầu tư xây dựng chủ yếu từ nguồn vốn ODA, vốn kêu gọi hợp tác công tư (PPP), nhưng cơ chế, chính sách để kêu gọi nhà đầu tư lại chưa hoàn thiện. Tỷ lệ đất dành cho giao thông nói chung, giao thông tỉnh nói riêng còn quá thấp hơn so với yêu cầu. Trong khi đó, việc mở rộng tuyến giao thông trong khu vực nội đô là rất khó khăn, cộng thêm chi phí cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để mở rộng các tuyến đường rất cao, gây sức ép cho ngân sách của Thành phố.

- *Về quản lý dân cư*: Tình trạng dân số cơ học vào nội thành vẫn tiếp tục tăng, nên chưa giải quyết được về hạ tầng giao thông cũng tạo áp lực lớn về hạ tầng xã hội đối với khu vực này². Nguyên nhân, Khoản 4 Điều 19 mới quy định điều kiện đăng ký hộ khẩu thường trú khu vực nội thành, việc đăng ký tạm trú thực hiện theo Luật Cư trú. Để giải quyết vấn đề này cần đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, công nghiệp... ra ngoài khu vực nội thành theo đúng Quyết định số 130/QĐ-TTg, ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, thực hiện việc phối hợp với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm nhằm hạn chế tình trạng di dân tự phát vào nội thành.

- *Về bảo vệ Thủ đô và bảo đảm an ninh trật tự*: Quản lý đất đai, trật tự xây dựng, văn minh đô thị và nông thôn, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, trật tự an toàn xã hội và tệ nạn xã hội được chú trọng, tăng cường tuy nhiên các vi phạm vẫn xảy ra ở nhiều địa phương. HĐND Thành phố quy định mức tiền phạt cao hơn 2 lần (so với quy định của Chính phủ) đối với 02 lĩnh vực (văn hóa, xây dựng); còn các lĩnh vực khác (an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, quảng cáo) chưa được HĐND quy định theo thẩm quyền Luật Thủ đô và Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc Luật Thủ đô không quy định. Thực tiễn quản lý nhà nước và tình hình xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thủ đô cho thấy cần bổ sung thẩm quyền cho HĐND thành phố được quy định mức tiền phạt cao hơn đối với một số hành vi vi phạm hành chính lĩnh vực quảng cáo, phòng cháy chữa cháy³, an toàn thực phẩm để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- *Về chính sách, cơ chế tài chính*:

² Tốc độ tăng dân số trong những năm gần đây tăng khoảng 210 nghìn/năm, chủ yếu là tăng cơ học. Mật độ dân số trung bình của toàn Thành phố đến năm 2018 là: 2.213 người/km², phân bố không đều, tập trung nhiều ở các quận nội thành (Quận Đống Đa 32.213 người/km², gấp 45 lần so với huyện Ba Vì là 721 người/km²).

³ Công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thủ đô đã được các cấp quan tâm chỉ đạo, tích cực kiểm tra và tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy nhưng tình hình cháy, nổ vẫn diễn biến phức tạp. Năm 2017, trên địa bàn xảy ra một số vụ cháy có thiệt hại lớn về người và tài sản đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Qua kiểm tra, rà soát của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy cho thấy hiện nay trên địa bàn Thành phố có số lượng khá lớn các chung cư không bảo đảm về các điều kiện phòng cháy; hiện tượng các chủ đầu tư cố tình không chấp hành pháp luật về phòng cháy, chữa cháy trong thực hiện các dự án nhà ở...

+ Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế Thủ đô, nhu cầu đầu tư cho các dự án trọng điểm của Hà Nội luôn là rất lớn với nhiều dự án quy mô lớn, đặc biệt là sau khi mở rộng địa giới thành phố Hà Nội, cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn còn khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn chế so với yêu cầu. Do đó, việc thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của Thành phố gặp nhiều khó khăn.

+ Trên địa bàn Thành phố có nhiều trụ sở của các bộ, ngành. Trung ương, đóng trên địa bàn đang thực hiện sắp xếp, di dời theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (nay là Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017). Tuy nhiên, tiến độ thực hiện còn chậm, quỹ đất được Thành phố bố trí, phục vụ di dời không được giao cho Hà Nội quản lý⁴, diện tích đất sau khi di dời vừa qua phần lớn được đầu tư các công trình nhà ở, trung tâm thương mại, do đó ảnh hưởng rất lớn đến quy hoạch chung Thủ đô. Nguồn thu tiền sử dụng đất các dự án này được dùng để đầu tư trở lại cho các Bộ, ngành là chưa phù hợp với quy định của Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 15 Luật Thủ đô.

+ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật Thủ đô, Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 123/2004/NĐ-CP của Chính phủ (nay Nghị định 63/2017/NĐ-CP), hàng năm ngân sách Trung ương thực hiện thường vượt thu và đầu tư trở lại cho thành phố Hà Nội tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố, tuy nhiên, do ngân sách trung ương khó khăn, nên Trung ương mới chỉ thực hiện thường vượt thu và đầu tư trở lại cho thành phố Hà Nội một phần từ số tăng thu ngân sách Trung ương trên địa bàn Thành phố.

+ Về nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho thành phố để thực hiện các chương trình dự án lớn (theo Khoản 3 Điều 21 Luật Thủ đô), trong các năm từ 2014 đến nay, ngân sách trung ương đã hỗ trợ ngân sách thành phố gần 1.115 tỷ đồng để thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư lớn trên địa bàn Thành phố⁵. Tuy nhiên, so với yêu cầu và để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng, phát triển Thủ đô, thì nguồn hỗ trợ của trung ương còn rất hạn hẹp, chưa đảm bảo chính sách ưu đãi theo quy định của Luật Thủ đô⁶.

+ Việc giảm tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách làm ảnh

⁴ 07 cơ sở tiếp tục giữ lại làm trụ sở hoặc bàn giao cơ quan Trung ương quản lý; 02 cơ sở đã được chấp thuận chuyển đổi mục đích sử dụng đất để tạo nguồn vốn di dời và đầu tư xây dựng trụ sở mới.

⁵ Các dự án này đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực thủy lợi, đề kế chống sạt lở bờ sông Hồng, sông Đuống, giúp bảo vệ an toàn đề điều, tính mạng, tài sản của nhân dân,...

⁶ Trong 5 năm 2016-2020 thành phố Hà Nội thực hiện 35 dự án lớn về giao thông, môi trường, đề điều thủy lợi, mang ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với tổng mức đầu tư 181.318 tỷ đồng, tổng số vốn đầu tư trong giai đoạn 2016-2020 là 116.842 tỷ đồng, trong đó đề nghị hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn trong nước từ ngân sách Trung ương là 36.613 tỷ đồng.

hưởng đến nguồn lực cho đầu tư phát triển và phát triển kinh tế xã hội của thành phố (giai đoạn 2009-2010 là 45%, giai đoạn 2011-2016 là 42%, giai đoạn 2017-2020 giảm còn 35%).

+ Luật Thủ đô được ban hành năm 2012, tuy nhiên đến nay nhiều quy định của Trung ương (Luật Ngân sách 2015, Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh...), khiến cho một số cơ chế, chính sách tài chính theo Điều 21 không còn mang tính chất đặc thù, tập trung nguồn lực cho Thủ đô xây dựng và phát triển.

- Về thực hiện cơ chế phối hợp, liên kết giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô: Chưa đạt được kết quả tương xứng với tiềm năng lợi thế của các địa phương trong Vùng. Cụ thể:

+ Cơ chế liên kết, kết nối giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô với nhau hoặc với các cơ quan Trung ương vẫn chưa được xác lập để tạo sự chủ động cho địa phương trong công tác phối hợp, liên kết Vùng. Các hoạt động mang tính kết nối, phối hợp giữa các tỉnh trong Vùng vẫn mang tính tự phát, chưa có sự chuyên môn hóa, dựa vào tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, quy mô nhỏ lẻ, thiếu tính bền vững.

+ Việc phối hợp giữa Bộ Xây dựng, các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô và thành phố Hà Nội trong việc thực hiện khảo sát, chuẩn bị quỹ đất phục vụ việc di dời trụ sở cơ quan Trung ương, trường đại học, bệnh viện và cơ sở sản xuất từ nội thành Hà Nội còn nhiều hạn chế, bất cập. Chưa có cơ chế chính sách liên kết giữa các tỉnh trong Vùng để thu hút đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương, giữa các tỉnh có sự cạnh tranh dẫn đến không nhất quán trong chính sách thu hút đầu tư của Vùng.

+ Công tác xử lý môi trường bảo vệ nguồn nước trên các hệ thống sông trong vùng còn nhiều vướng mắc chưa có cơ chế giải quyết triệt để. Việc di dời các trường đại học, bệnh viện và cơ sở sản xuất không có quy định về thời hạn thực hiện, các đơn vị được di dời không chủ động nguồn lực tài chính cho nên một số địa phương đã bố trí quỹ đất bàn giao mặt bằng cho các đơn vị nhưng nhiều năm không thực hiện xây dựng gây lãng phí nguồn lực đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương⁷.

+ Vẫn còn thiếu cơ chế chính sách ưu tiên đầu tư, thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Vùng Thủ đô nhằm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô theo quy định theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Luật Thủ đô.

⁷ Tỉnh Bắc Ninh đã giao đất cho các trường: Đại học Dược Hà Nội, Đại học Luật Hà Nội đã nhiều năm nhưng đến nay vẫn chưa đầu tư xây dựng.

+ Việc phối hợp của thành phố Hà Nội với các tỉnh trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm nhằm hạn chế tình trạng di dân tự phát vào nội thành (Khoản 2 Điều 19) chưa đạt được yêu cầu.

+ Còn thiếu cơ chế điều hành chung trong việc phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô. Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đã được kiện toàn nhưng hoạt động không thường xuyên. Chưa tổ chức buổi làm việc của Thủ tướng Chính phủ với UBND thành phố Hà Nội, cùng các tỉnh trong Vùng Thủ đô và các Bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về Thủ đô, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho các địa phương và thành phố Hà Nội.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về biện pháp tổ chức thi hành Luật Thủ đô

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết bằng nhiều hình thức, nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, ý thức của mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn Thành phố. Tích cực triển khai có hiệu quả các quy định Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết ở các cấp, các ngành Thành phố; vận dụng linh hoạt các cơ chế đặc thù đã được quy định trong Luật Thủ đô tạo sự chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh của Thủ đô.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thi hành Luật Thủ đô, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với những hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn; đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc hoàn thiện pháp luật về Thủ đô, nâng cao công tác tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương.

- Chủ động trong việc phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển. Đồng thời, thực hiện việc phối hợp với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm nhằm hạn chế tình trạng di dân tự phát vào nội thành.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý theo mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm, tình hình của Thủ đô, sớm trình cấp có thẩm quyền quyết định việc thí điểm triển khai trên địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô nhằm phát hiện mâu thuẫn, chồng chéo, không hợp lý, thiếu tính khả thi; kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản của Thành phố (Nghị quyết,

Quyết định) cho phù hợp quy định pháp luật Trung ương, đảm cơ chế đặc thù thực thi trên thực tế.

- Tiếp tục việc rà soát đối với cơ sở sản xuất công nghiệp, một số bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực nội thành để sẵn sàng cho việc di dời các cơ sở này theo đúng Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời có kế hoạch quản lý, sử dụng có hiệu quả diện tích đất thu hồi theo hướng thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, đúng quy định tại Điều 15 Luật Thủ đô.

2. Hoàn thiện pháp luật Thủ đô nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển Thủ đô trong tình hình mới.

a) Nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Thủ đô

- Quy định nguyên tắc áp dụng Luật Thủ đô khi Luật chuyên ngành thay đổi làm hạn chế thẩm quyền, cơ chế chính sách xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô; quy định thẩm quyền Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc phân cấp cho thành phố Hà Nội (một số lĩnh vực thực hiện một số cơ chế đặc thù).

- Quy định nguyên tắc khi quyết định quy hoạch phát triển ngành trên địa bàn Thủ đô, Vùng Thủ đô cần có ý kiến thống nhất của thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong Vùng.

- Bổ sung quy định tổ chức chính quyền đô thị phù hợp đặc điểm, tình hình của Thủ đô Hà Nội theo tinh thần của Điều 111 Hiến pháp năm 2013; áp dụng cơ chế quản lý của chính quyền đô thị tại đơn vị hành chính đã được quy hoạch là thành phố vệ tinh tại Thủ đô.

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 12 của Luật về xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô để bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong thụ hưởng dịch vụ công của công dân.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Thủ đô theo hướng cho phép Hà Nội phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung. Chủ đầu tư các khu nhà ở, khu đô thị được lựa chọn hình thức nộp tiền tương đương với giá trị quỹ đất 25% để đầu tư các khu nhà ở xã hội tập trung hoặc hỗ trợ cho đối tượng hưởng chính sách nhà ở xã hội.

- Bổ sung một số quy định của Luật Thủ đô về nâng mức xử phạt lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, lĩnh vực quảng cáo nhằm bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội.

b) Rà soát, sửa đổi bổ sung 13/16 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, 02/02 Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố (*Chi tiết tại Phụ lục số 04*).

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Cho chủ trương về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Thủ đô cho phù hợp với Hiến pháp năm 2013, đồng bộ thống nhất với các quy định Luật chuyên ngành, đảm bảo tính khả thi của các cơ chế đặc thù trong việc xây dựng, phát triển Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, phù hợp điều kiện thực tiễn hiện nay và hội nhập quốc tế.

2. Đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

a) Báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chủ trương sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô trong đó quan tâm về chủ trương phân cấp, ủy quyền cho phép thành phố Hà Nội được quyết định một số cơ chế, chính sách đặc thù:

(1) Chấp thuận cho phép thành phố Hà Nội được lựa chọn nhà đầu tư ngay từ khâu lập quy hoạch chi tiết, để việc lập quy hoạch, triển khai dự án đảm bảo nhất quán, hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và phát triển đô thị đối với đô thị vệ tinh (Hòa Lạc, Sơn Tây, Sóc Sơn, Phú Xuyên, Xuân Mai) phù hợp với quy hoạch chung đã được phê duyệt.

(2) Cho phép thành phố Hà Nội được phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm A vốn ngân sách Thành phố; được áp dụng cơ chế đặc thù trong việc xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án có quy mô diện tích và tổng vốn đầu tư lớn, đóng góp quan trọng cho thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của Thành phố.

(3) Cho phép thành phố Hà Nội thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án: (i) Dự án có sử dụng từ 01 ha đất trở lên của khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; (ii) Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, trung tâm mua sắm có sử dụng đất rừng phòng hộ hoặc rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên, đất rừng tự nhiên từ 100 ha trở lên hoặc có sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên”.

(4) Cho phép thành phố Hà Nội, bổ sung hình thức cho phép Chủ đầu tư Dự án khu đô thị, nhà ở thương mại cao cấp có diện tích trên 10 ha được lựa chọn một trong các hình thức nộp số tiền tương đương với giá diện tích phải dành phát triển nhà ở xã hội của Thành phố; được chỉ định chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội (kể cả các khu nhà ở xã hội tập trung) đối với các nhà đầu tư đã được lựa chọn lập quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500

trên cơ sở thống nhất chủ trương bằng văn bản với Bộ Xây dựng. Tự quyết định đối với các trường hợp bố trí quỹ đất 25% để xây dựng nhà ở xã hội không phù hợp với quy hoạch của địa phương hoặc có bố trí nhưng không đủ quỹ đất 25% để xây dựng nhà ở xã hội.

(5) Phân cấp cho Thành phố được quyết định Đề án vị trí việc làm tại cơ quan, đơn vị tổ chức lại (sáp nhập, hợp nhất), duyệt các đối tượng tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và được quy định chính sách của Thành phố nhằm khuyến khích các đối tượng tự nguyện tinh giản biên chế.

b) Xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thí điểm Đề án tổ chức quản lý theo mô hình chính quyền đô thị theo Kết luận số 22-KL/TW ngày 07/11/2017 của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW ngày 06/01/2012; quyết định cơ chế, chính sách đặc thù (*chi tiết tại Phụ lục số 05*), phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Trung ương cho Thành phố Hà Nội (*chi tiết tại Phụ lục số 06*), trong khi Luật Thủ đô chưa được sửa đổi, bổ sung.

c) Sửa Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội theo hướng quy định cơ chế đặc thù lĩnh vực tài chính – ngân sách.

d) Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương có liên quan phối hợp chặt chẽ với thành phố Hà Nội thực hiện một số giải pháp:

- Tổ chức việc xây dựng, hoàn thiện dự thảo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành. Thực hiện nghiêm Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục Đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội ra ngoài khu vực nội thành; việc lập, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Luật Thủ đô.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các quy định liên quan đến chính sách cải tạo, xây dựng chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp trong các quận nội thành Hà Nội.

- Hằng năm chủ trì làm việc với thành phố Hà Nội, các tỉnh trong Vùng Thủ đô và các Bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành Luật Thủ đô (theo Điều 23 Luật Thủ đô), nhằm đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong Vùng Thủ đô, phát huy vai trò dẫn dắt và điều phối phát triển vùng, tạo sức hút mạnh mẽ về cung cầu và sức lan tỏa về công nghệ, sáng tạo trong toàn vùng, góp phần hạn chế tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải; tận dụng lợi thế, tiềm

năng theo hướng lấy cụm ngành làm trung tâm để phát triển Thủ đô bền vững, tăng trưởng xanh. Quan tâm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đề án đầu tư lớn của Trung ương trên địa bàn.

- Thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù theo Thông báo số 508/TB-VPCP ngày 31/10/2017 về Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo thành phố Hà Nội.

3. Đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố

a) Tiếp tục tăng cường công tác giám sát thi hành Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết.

b) Xem xét, thông qua các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền trên cơ sở đề xuất của UBND Thành phố phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô trong tình hình mới.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức thành viên tiếp tục tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện các quy định của Luật Thủ đô.

Trên đây là báo cáo Tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy,
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VP ĐDBQH và HĐND TP; *rl*
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP UBND TP: CPVP, PCVP P.C.Công;
- Các phòng: NC, TKBT, ĐT, KT, KGVX;
- Lưu: VT, NC_(Binh).





Phụ lục số 01:

DANH MỤC
VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA UBND THÀNH PHỐ VỀ THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ

(Kèm theo Báo cáo số **313** /BC-UBND ngày **21/11/2018** của UBND thành phố Hà Nội
về tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
1.	Quyết định	127/QĐ-UBND ngày 08/01/2013 của UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố do UBND Thành phố trình để cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô.	
2.	Quyết định	1495/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND Thành phố	Về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
3.	Quyết định	2338/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 của UBND Thành phố	Về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố do UBND Thành phố trình để cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô	
4.	Quyết định	5579/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND Thành phố	Đề án nghiên cứu, xây dựng khung chính sách, công nghệ thẻ vé điện tử cho mạng lưới vận tải công cộng đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.	
5.	Quyết định	6239/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 của UBND Thành phố	Về việc quy định trình tự, thủ tục ban hành quyết định về kế hoạch tổ chức thực hiện thu hồi đất, khảo sát, điều tra, kiểm đếm và các biện pháp thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; ban hành quyết định phân kỳ thu hồi đất, giao đất, giải phóng mặt bằng	
6.	Quyết định	7177/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của	Về Danh mục nhà biệt thự thuộc đối tượng quản lý, sử dụng theo "Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự được xây dựng từ trước năm 1954 trên	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
		UBND Thành phố	địa bàn thành phố Hà Nội"	
7.	Quyết định	7209/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND Thành phố	Phê duyệt Đề án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014 - 2015.	
8.	Quyết định	8044/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND Thành phố	Phê duyệt Đề án “Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp bảo vệ môi trường Thành phố Hà Nội đến năm 2020”	
9.	Quyết định	1721/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 của UBND Thành phố	Ban hành định mức dự toán chuyên ngành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội	
10.	Quyết định	6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND Thành phố	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội, trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội	
11.	Quyết định	1744/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 của UBND Thành phố	Triển khai thực hiện thí điểm hỗ trợ Bệnh viện Tim Hà Nội	
12.	Quyết định	4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2014 của UBND Thành phố	Về việc thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố Hà Nội	
13.	Quyết định	4862/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND Thành phố	Về phê duyệt hỗ trợ kinh phí tiền lương cho các cơ sở giáo dục công lập thực hiện thí điểm chất lượng cao trên địa bàn Thủ Đức.	
14.	Quyết định	420/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của	Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành và triển khai Luật Thủ đô trên địa bàn Thành phố năm 2015.	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
		UBND Thành phố		
15.	Quyết định	1619/QĐ-UBND ngày 16/04/2015 của UBND Thành phố	Về việc thành lập Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.	
16.	Quyết định	2735/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND Thành phố	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Ưu đãi, khuyến khích các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia giỏi, người có trình độ cao tham gia cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Thủ đô - Thu hút, sử dụng đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao	
17.	Quyết định	3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố	Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015 - 2020	
18.	Quyết định	3978/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của UBND Thành phố	Về việc ban hành Quy định về quản lý và áp dụng các công nghệ cho hệ thống thẻ vé điện tử của mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố Hà Nội	
19.	Quyết định	4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND Thành phố	Về thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội.	
20.	Quyết định	6496/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND Thành phố	Về việc kiện toàn tổ công tác liên ngành và tổ giúp việc thực hiện sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách cải tạo, xây dựng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.	
21.	Quyết định	6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND Thành phố	Về việc ban hành Điều lệ, tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển khoa học công nghệ thành phố Hà Nội	
22.	Quyết định	7351/QĐ-UBND	Về việc ban hành Kế hoạch sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô của	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
		ngày 31/12/2015 của UBND TP	UBND Thành phố	
23.	Quyết định	1571/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND Thành phố	Về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ thường trực giúp việc Ban chỉ đạo sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô.	
24.	Quyết định	7165/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành Luật Thủ đô năm 2017	
25.	Quyết định	1298/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của UBND Thành phố	Kế hoạch Tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô	
26.	Quyết định	2244/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND Thành phố	Thành lập Tổ công tác tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô	
27.	Kế hoạch	84/KH-UBND ngày 27/5/2013 của UBND Thành phố	Phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2013	
28.	Kế hoạch	90/KH-UBND ngày 30/5/2013 của UBND Thành phố	Thực hiện Chương trình hành động của Thành uỷ Hà Nội về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”	
29.	Kế hoạch	126/KH-UBND ngày 30/7/2013 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa Luật Thủ đô	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
30.	Kế hoạch	147/KH-UBND ngày 24/9/2013 của UBND Thành phố	về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/07/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô	
31.	Kế hoạch	143/KH-UBND ngày 06/9/2013 của UBND Thành phố	Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô.	
32.	Kế hoạch	159/KH-UBND ngày 07/10/2013 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/07/2013 về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô	
33.	Kế hoạch	149/KH-UBND ngày 25/9/2013 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô	
34.	Kế hoạch	96/KH-UBND ngày 13/05/2014 của UBND Thành phố	Về việc thực hiện Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/01/2013 của HĐND Thành phố về việc ban hành Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô	
35.	Kế hoạch	1681/KH-BTP-UBND ngày 25/5/2016 của Bộ Tư pháp và UBND Thành phố	Về phối hợp thực hiện sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô giữa Bộ Tư pháp và UBND Thành phố Hà Nội	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
36.	Kế hoạch	128/KH-TCT ngày 06/6/2018 của UBND Thành phố	Triển khai nhiệm vụ tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô của Tổ công tác tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô	
37.	Tờ trình	48/TTr-UBND ngày 02/7/2014 của UBND Thành phố	Về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc đối với khu vực các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng trình Thủ tướng Chính phủ.	
38.	Thông báo	80/TB-UBND ngày 10/4/2013 của UBND Thành phố	Ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản triển khai cụ thể hóa Luật Thủ đô.	
39.	Công văn	4113/UBND-NC ngày 10/6/2013 của UBND Thành phố	Về việc đăng tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND và UBND Thành phố cụ thể hóa Luật Thủ đô để xin ý kiến tham gia đóng góp của nhân dân	
40.	Công văn	3459/STC-HCSN ngày 10/7/2013 của Sở Tài chính	Hướng dẫn các sở, ngành xây dựng dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phục vụ công tác xây dựng, ban hành văn bản cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô.	
41.	Công văn	8710/UBND-QHXDGT ngày 28/3/2014 của UBND Thành phố	Về việc đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng	
42.	Công văn	2186/UBND-QHXDGT ngày 28/3/2014 của UBND Thành phố	Về việc đề nghị Bộ Xây dựng tham gia ý kiến Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.	
43.	Công văn	4170/UBND-QH	Về việc đề nghị Bộ Xây dựng tham gia ý kiến, thống nhất dự thảo Quy	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
		ngày 10/6/2014 của UBND Thành phố	chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.	
44.	Công văn	6590/UBND-XDGT ngày 4/9/2014 của UBND Thành phố	Rà soát công khai Danh mục các dự án kêu gọi, thu hút, ưu tiên đầu tư theo nội dung Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013	
45.	Công văn	9809/UBND-XDGT ngày 15/12/2014 của UBND Thành phố	Về việc "khảo sát đánh giá chất lượng các chung cư cũ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội"	
46.	Công văn	9874/UBND-XDGT ngày 17/12/2014 của UBND Thành phố	Về việc rà soát và công khai Danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư theo nội dung Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/07/2013 của HĐND Thành phố.	
47.	Công văn	153/ĐĐBQH ngày 17/9/2015 của Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội	Về việc chuẩn bị nội dung buổi làm việc của Đoàn với Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố trước kỳ họp thứ Mười, Quốc hội khóa XIII Thành phố.	
48.	Công văn	7347/UBND-TH ngày 16/10/2015 của UBND Thành phố	Về việc chuẩn bị nội dung kỳ họp thứ 14 HĐND thành phố Hà Nội	
49.	Công văn	7732/UBND-QHKT ngày 29/10/2015 của UBND Thành phố	Về việc đề nghị Bộ Xây dựng góp ý xây dựng và thống nhất nội dung dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng	
50.	Công văn	1723/UBND-QHKT ngày 23/3/2016 của UBND Thành phố	Về việc triển khai thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 52/TB-VPCP ngày 17/3/2016 về việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.	

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Trích yếu nội dung của văn bản	Ghi chú
51.	Công văn	1246/UBND-KT ngày 04/3/2016 của UBND Thành phố	Về việc góp ý dự thảo Nghị định quy định về một số cơ chế tài chính, ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội.	
52.	Công văn	3788/UBND-ĐT ngày 24/6/2016 của UBND Thành phố	Về việc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét ủy quyền cho UBND Thành phố xem xét, quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật khu vực 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.	
53.	Công văn	4980/UBND-ĐT ngày 24/8/2016 của UBND Thành phố.	Về việc giải trình ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1546/BXD-KHCN về Quy chuẩn kỹ thuật quy hoạch kiến trúc tại 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng.	
54.	Công văn	4142/UBND-ĐT ngày 24/8/2017 của UBND Thành phố	Về Dự thảo Quyết định Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực các quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định	
55.	Công văn	2542/UBND-ĐT ngày 07/6/2018 của UBND Thành phố	Về việc báo cáo quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc xây dựng tại 04 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng	

Phụ lục số 02
THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT THỦ ĐÔ ĐÃ BAN HÀNH

(Kèm theo Báo cáo số ~~314~~ /BC-UBND ngày ~~21~~./11/2018 của UBND thành phố Hà Nội
về tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô)

STT	Tên loại văn bản, số ký hiệu của văn bản, trích yếu, ngày tháng năm ban hành, cơ quan ban hành	Quy định chi tiết điều, khoản nào của Luật Thủ đô	Hiệu lực pháp lý của văn bản
I	VĂN BẢN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN NGANG BỘ		
1	Quyết định 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành Hà Nội.	Khoản 1 Điều 9 Khoản 4 Điều 15	23/01/2015
2	Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	Khoản 2 Điều 8	06/5/2016
3	Thông tư 51/2014/TT-BTNMT ngày 05/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.	Khoản 3 Điều 14	01/01/2015
II	VĂN BẢN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
A	NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ		
1	Nghị quyết 03/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố về việc ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải.	Khoản 3, Điều 18	22/7/2013
2	Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố	Khoản 2, Điều 13	22/7/2013

	Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.		
3	Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố Quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Khoản 4, Khoản 5, Điều 16	02/7/2013
4	Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND Thành phố Về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành.	Khoản 2, Điều 19	22/7/2013
5	Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về các biện pháp bảo đảm việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô.	Khoản 2, Điều 15	27/7/2013
6	Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội.	Điều 7	27/7/2013
7	- Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội Thành phố Hà Nội. - Nghị quyết 21/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố Về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành Thành phố Hà Nội và ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ	Điểm b, Khoản 4, Điều 19	27/7/2013
8	Nghị quyết số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô.	Khoản 2, Điều 13	27/7/2013

9	- Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô. - Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.	Khoản 4, Điều 12	27/7/2013
10	Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.	Điểm a, Khoản 3, Điều 11	27/7/2013
11	Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013 của HĐND Thành phố Về biện pháp cải tạo, xây dựng lại khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp; cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Khoản 2, 3, Điều 16	02/8/2013
12	Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố Về Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô cần tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.	Điểm b, Khoản 3, Điều 11	04/12/2013
13	Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của HĐND Thành phố Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.	Khoản 2, Điều 20	11/7/2014
14	Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của HĐND Thành phố Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa.	Khoản 2, Điều 20	11/7/2014
B	QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ		
1	Quyết định 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình,	Khoản 5 Điều 12	04/7/2014

	phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.		
2	Quyết định 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.	Khoản 5 Điều 12	04/7/2014
3	Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND Thành phố về Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Khoản 5 Điều 16	08/12/2013

Phụ lục số 04
DANH MỤC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND, QUYẾT ĐỊNH UBND THÀNH PHỐ
CẦN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
(Kèm theo Báo cáo số ~~314~~4/BC-UBND ngày 21/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội
về Tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô)

Số TT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung	Kiến nghị	Nội dung kiến nghị/ Lý do kiến nghị	Cơ quan đơn vị chủ trì soạn thảo	Thời hạn xử lý/ Kiến nghị xử lý; tình hình xây dựng
01	Nghị quyết	Số 03/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013	Về việc ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải.		- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 thay thế Luật đầu tư ngày 29/11/2005; Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách; Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.	Sở Giao thông vận tải	
02	Nghị quyết	Số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013	Về chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.		- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương. - Luật khoa học và công nghệ số 21/2000/QH10 hết hiệu lực được thay thế bằng Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.	Sở Khoa học và công nghệ	
03	Nghị quyết	Số 06/2013/NQ-	Quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát	Sửa đổi bổ	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế	Sở Xây dựng	

		HĐND ngày 12/7/2013	triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội.	sung	bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 thay thế Luật nhà ở số 56/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 34/2009/QH12 và Luật số 38/2009/QH12. - Việc thực thi trên thực tế có nhiều vướng mắc, đề nghị sửa đổi bổ sung Nghị quyết theo hướng cho phép chủ đầu tư các Dự án khu đô thị, nhà ở thương mại cao cấp có quy mô sử dụng đất trên 10ha có thể lựa chọn hình thức nộp bằng tiền tương đương giá trị 25% quỹ đất hoặc 25% diện tích nhà để tạo lập Quỹ đầu tư phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung đảm bảo phù hợp Khoản 4, Khoản 5, Điều 16 Luật Thủ đô. - Bổ sung quy định xây dựng Khu nhà ở xã hội tập trung tại các khu vực phù hợp; đặt hàng mua nhà ở thương mại làm nhà ở tái định cư.		
04	Nghị quyết	Số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013	Về chính sách ưu tiên và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành		- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 thay thế Luật đầu tư ngày 29/11/2005; Luật xây dựng số 50/2014/QH13 thay thế Luật Xây dựng số 16/2003/QH11. - Bổ sung cơ chế chính sách thu hút các nhà đầu tư đầu tư xây dựng các khu đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạ tầng xã hội ở ngoại thành. - Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định nhà đầu tư được giao ứng vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối phục vụ dự án thuộc trách nhiệm đầu tư của Thành phố; chi phí các công trình này được khấu trừ vào tiền sử dụng đất của dự án cho phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.	Sở Xây dựng	
05	Nghị quyết	Số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về các biện pháp bảo đảm việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô	Điều chỉnh, bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật đất đai năm 2003 đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Đất đai 2013. - Mức thưởng tiền đối với các hộ thực hiện đúng tiến độ bàn giao mặt bằng còn thấp nên chưa khuyến khích được hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. - Quy định trường hợp cơ quan nhà nước quyết định Thu hồi đất đã thay đổi do đó cần thiết nghiên cứu điều chỉnh đối tượng áp	Sở Tài nguyên môi trường	

					dụng Nghị quyết.		
06	Nghị quyết	Số 10/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội	Sửa đổi bổ sung	Về thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội: - Cần có chính sách đãi ngộ đối với cá nhân được trao tặng danh hiệu Công dân ưu tú như: miễn thị thực khi vào Việt Nam, mời tham dự các ngày kỷ niệm lớn của Thủ đô Hà Nội và một số chính sách khác, một số chính sách trong thời gian công tác, học tập và làm việc tại Thủ đô Hà Nội... - Bổ sung nội dung thành phố Hà Nội với Bộ Ngoại giao để Đại Sứ quán Việt Nam thực hiện trao tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô kịp thời cho công dân nước sở tại được trao tặng. - Bổ sung quy định cụ thể để các Bộ, ngành đề xuất tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô cho các cá nhân người nước ngoài có đóng góp cho Thủ đô thuộc lĩnh vực quản lý.	Sở Nội vụ	
07	Nghị quyết	Số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành phố Hà Nội.	Sửa đổi bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật cư trú số 81/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bằng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật cư trú sửa đổi năm 2013 số 36/2013/QH13. - Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định diện tích ở bình quân đối với các trường hợp công dân đăng ký hộ khẩu thường trú vào chỗ ở hợp pháp được cho mượn, ở nhờ ở nội thành cho phù hợp điểm B, Khoản 4, Điều 19 Luật Thủ đô	Công an Thành phố	
08		Số 21/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016	Về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố về quy định diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành Thành phố Hà Nội và ủy quyền cho Thường trực HĐND Thành phố xem xét, cho ý kiến các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố theo				

			quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ				
09	Nghị quyết	Số 14/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về chính sách trọng dụng nhân tài trong xây dựng, phát triển Thủ đô.	Sửa đổi bổ sung	- Căn cứ ban hành Nghị quyết: Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp được thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 được thay thế bằng Luật ngân sách số 83/2015/QH13 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13. - Nghiên cứu bổ sung chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với người có thành tích xuất sắc, có nhiều sáng kiến trong công tác hiện đang làm việc tại các cơ quan thuộc Thành phố.	Sở Nội vụ; Sở Tài chính	
10	Nghị quyết	Số 16/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013	Về chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô Hà Nội		- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 thay thế Luật đầu tư ngày 29/11/2005; Luật xây dựng số 50/2014/QH13 thay thế Luật Xây dựng số 16/2003/QH11. - Nghiên cứu bổ sung quy định hình thức vinh danh những cá nhân, tập thể có những đóng góp trong xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa		
11	Nghị quyết	Số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013	Về biện pháp cải tạo, xây dựng lại khu chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp; cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Sửa đổi bổ sung	- Căn cứ pháp lý để ban hành Nghị quyết là Luật Tổ chức HĐND, UBND các cấp đã hết hiệu lực pháp luật và bị thay thế bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Quốc hội và Chính phủ đã ban hành các Văn bản pháp luật liên quan đến nội dung của Nghị quyết: - Luật Nhà ở ngày 25/11/2014; Luật đất đai ngày 29/11/2013; - Nghị Định số 101/NĐ-CP ngày/10/2015 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ - Nội dung cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để phù hợp Khoản 2, 3, Điều 16 Luật Thủ đô, cụ thể: - Bổ sung cơ chế thí điểm nhà nước mua lại một số nhà cổ, biệt thự có giá trị đặc biệt, thực hiện việc giải phóng mặt bằng tái	Sở Xây dựng	

					định cư cho các hộ dân để bảo tồn, tôn tạo các biệt thự có giá trị tiêu biểu; cơ chế bán đấu giá nhà cổ, biệt thự cũ (kèm theo các điều kiện về bảo tồn, cải tạo, phục hồi, các ngành nghề kinh doanh được phép...) để tăng cường xã hội hoá, tạo nguồn thu, giảm gánh nặng ngân sách; - Bổ sung cơ chế xây dựng lại chung cư cũ toàn khu; chính sách người dân và nhà đầu tư thỏa thuận đền bù bằng tiền hoặc có thể nhận nhà tái định cư ở ngoại thành.		
12	Nghị quyết	Số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.	Sửa đổi, bổ sung	- Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở thay thế. - Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 cần sửa đổi, bổ sung về hành vi vi phạm cần nâng mức tiền phạt trong Nghị quyết đề phù hợp với Khoản 2, Điều 20 Luật Thủ đô.	Sở Xây dựng	
13	Nghị quyết	Số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014	Quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa	Sửa đổi bổ sung	Ngày 20/3/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo. Do đó, Cần sửa đổi, bổ sung về hành vi vi phạm cần nâng mức tiền phạt trong Nghị quyết đề phù hợp với Khoản 2, Điều 20 Luật Thủ đô; Nghiên cứu bổ sung các hành vi vi phạm cần nâng mức tiền phạt trong Nghị quyết như: viết, vẽ bên ngoài nhà ở, công trình công cộng trái pháp luật; phóng uế bừa bãi, xả rác bừa bãi, không đúng nơi quy định ảnh hưởng nghiêm trọng đến mỹ quan, trật tự đô thị trên địa bàn Thành phố.	Sở Văn hoá và Thể thao	
14	Quyết định	Số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND	Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ	Sửa đổi, bổ sung	Một số căn cứ pháp lý ban hành Quyết định đã được thay thế bằng các Luật mới (như Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Giáo dục sửa đổi, Luật ban hành VB QPPL...); - Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các tiêu chí về trường chất lượng cao đảm bảo vừa phù hợp với nội dung đổi mới GD&ĐT, vừa	Sở Giáo dục và Đào tạo	

		Thành phố	giáo dục chất lượng cao áp dụng tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.		đảm bảo tính đặc thù của trường chất lượng cao (CLC) trên địa bàn Thủ đô để hòa nhập được với các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. - Làm rõ (lượng hóa) những cam kết đầu ra của các trường CLC theo từng cấp học để xã hội giám sát và đặt lòng tin vào mô hình này.		
15	Quyết định	Số 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố	Quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao		Một số căn cứ pháp lý ban hành Quyết định đã được thay thế bằng các Luật mới (như Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Giáo dục sửa đổi, Luật ban hành VB QPPL...); - Nghiên cứu, bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao để áp dụng đối với các trường CLC vừa đảm bảo chương trình khung theo hướng mở, vừa tiếp cận, tích hợp được các kiến thức mới, khoa học của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.	Sở Giáo dục và Đào tạo	

Phụ lục số 3.

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 05 NĂM THI HÀNH LUẬT THỦ ĐÔ VÀ VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Công tác chỉ đạo và tổ chức thi hành Luật Thủ đô

Ngay sau khi Luật Thủ đô được Quốc hội thông qua, thực hiện Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Thủ đô, UBND Thành phố đã ban hành các Kế hoạch, văn bản tổ chức triển khai,¹ trong đó, tập trung chủ yếu việc xây dựng văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân (HĐND), UBND Thành phố, đảm bảo văn bản được ban hành cùng thời điểm Luật có hiệu lực thi hành. Tính đến nay, UBND Thành phố đã ban hành 55 văn bản để tổ chức triển khai, thực hiện Luật Thủ đô trên địa bàn (26 Quyết định, 10 Kế hoạch, 17 Công văn, 01 Tờ trình, 01 Thông báo). Hằng năm, UBND Thành phố ban hành các Kế hoạch tổ chức việc đánh giá tình hình thi hành Luật Thủ đô, trong đó tập trung nội dung tác động của cơ chế chính sách trong thực tiễn. Phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thi hành Luật Thủ đô². UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 phê duyệt Đề án "Nghiên cứu, rà soát tổng thể, xác định những nội dung quy định trong Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Trung ương khi triển khai vào thực tiễn chưa phù hợp để đề nghị Trung ương sửa đổi bổ sung và tiếp tục đề xuất với Trung ương cho phép áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù để phục vụ sự nghiệp phát triển Thủ đô"³.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết

Việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết đã được các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị trên địa bàn Thành phố thực hiện kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm, đa dạng hình thức (in ấn và phát tài liệu, tuyên truyền trên báo đài, các buổi họp của tổ dân phố, hội diễn văn nghệ,...⁴); 100% các Sở, Ban ngành, đoàn

¹ Quyết định 127/QĐ-UBND ngày 08/01/2013, Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 27/5/2013 Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 30/7/2013 triển khai thực hiện Luật Thủ đô và các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa Luật Thủ đô; Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố do UBND Thành phố trình để cụ thể hóa các quy định của Luật Thủ đô; Thông báo số 80/TB-UBND ngày 10/4/2013 ban hành kế hoạch xây dựng văn bản triển khai cụ thể.

² Kế hoạch số 1681/KH-BTP-UBND ngày 25/5/2016 về phối hợp thực hiện sơ kết 03 năm thi hành Luật Thủ đô, Kế hoạch liên ngành số 720/KHLN-BTP-UBNDTP phối hợp tổng hợp 05 năm thi hành Luật Thủ đô; tổ chức Đoàn khảo sát, trao đổi kinh nghiệm về Quy hoạch, xây dựng, giao thông vận tải, môi trường, dân cư, cơ chế tài chính, đầu tư; tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thuộc Vùng Thủ đô;

³ UBND Thành phố giao Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội nghiên cứu, rà soát tổng thể xác định những nội dung quy định trong Luật Thủ đô;

⁴ In ấn và phát hành 730.000 cuốn Luật Thủ đô và các văn bản cụ thể hóa Luật Thủ đô, 20.584 cuốn "Hỏi - Đáp một số quy định của pháp luật về Luật Thủ đô". Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, các Báo: Hà Nội mới, Pháp luật

thể và 30/30 quận, huyện, thị xã đã tổ chức hội nghị quán triệt Luật Thủ đô và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đối tượng cán bộ chủ chốt và công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn. Thông qua đó nâng cao ý thức chấp hành, nhận thức sâu sắc về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô trong việc xây dựng và phát triển Thủ đô. UBND Thành phố đã phối hợp với Bộ Tư pháp tập hợp các tư liệu để xây dựng Bộ kỹ yếu Luật Thủ đô nhằm phục vụ nhu cầu tìm hiểu của cán bộ, nhân dân.

3. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

Theo quy định của Luật Thủ đô và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô, HĐND Thành phố có trách nhiệm ban hành 13 nội dung, UBND Thành phố ban hành 03 nội dung; phối hợp trong việc xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường⁵. Để đảm bảo tiến độ, chất lượng văn bản thuộc thẩm quyền của HĐND và UBND Thành phố theo Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố đã ban hành nhiều văn bản tổ chức triển khai⁶. Đồng thời phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm định, lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan hữu quan, đối tượng chịu sự tác động và phản biện xã hội. Do đó, cơ bản các văn bản thuộc thẩm quyền của thành phố Hà Nội đã được ban hành kịp thời, đảm bảo đúng trình tự thủ tục, hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất về cơ chế chính sách xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô.

a) Nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND thành phố Hà Nội:

Tại kỳ họp tháng 7/2013, HĐND Thành phố đã thông qua 11 Nghị quyết, UBND Thành phố ban hành 02 Quyết định đảm bảo cùng thời điểm Luật Thủ đô có hiệu lực. Có 03 văn bản ban hành chậm⁷; 01 Nghị quyết quy định nâng mức

và xã hội, Kinh tế và đô thị, Đài phát thanh quận, huyện, thị xã và trang thông tin điện tử đã đăng các phóng sự, tin bài phản ánh về công tác triển khai thực hiện Luật Thủ đô, chuyên mục tuyên truyền sâu về Luật Thủ đô; tuyên truyền, quảng bá sâu rộng các Nghị quyết của HĐND Thành phố lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành, địa phương (Thông qua Hội chợ giới thiệu sản phẩm làng nghề truyền thống Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND; thông qua công tác giải phóng mặt bằng tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND...).

⁵ 01 nội dung giao cho UBND Thành phố chủ trì phối hợp với Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành; 01 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đề nghị của UBND thành phố Hà Nội; 02 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ (Khoản 1 Điều 9 và Khoản 4 Điều 15). Bộ Xây dựng có trách nhiệm chủ trì soạn thảo và trình Thủ tướng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp tham gia ý kiến; 01 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ (Quy chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng Thủ đô).

⁶ Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2013; Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2013 về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố do UBND Thành phố trình đề cử thể hóa các quy định của Luật Thủ đô; Thông báo số 80/TB-UBND ngày 10/4/2013 ban hành kế hoạch xây dựng văn bản triển khai cụ thể.

⁷ Nghị quyết số 24/213/NQ-HĐND ban hành chậm 06 tháng (trước khi Luật Thủ đô có hiệu lực, Thành phố đã có Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 về Đề án quản lý quỹ nhà biệt thự trên địa bàn thành phố Hà Nội, sau khi ban hành Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013, cần có thời gian để đánh giá thực trạng và xây dựng tiêu chí để xác định phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc và các giá trị văn hóa phi vật thể cần lấy ý kiến, thẩm định của các Bộ, ngành, các chuyên gia, các nhà khoa học

phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai chưa được ban hành (dự kiến ban hành tại kỳ họp tháng 12/2018⁸).

Ngoài những nội dung Luật Thủ đô giao, HĐND, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành 05 văn bản để quy định chi tiết, bảo đảm thi hành Luật Thủ đô. Tính đến 01/7/2018, thành phố Hà Nội đã ban hành 16 Nghị quyết, 03 Quyết định quy định chi tiết Luật Thủ đô, kịp thời cụ thể hoá quy định của Luật Thủ đô (*Chi tiết Phụ lục số 02 kèm theo*).

b) Công tác phối hợp xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, có 03 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ và 01 nội dung thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thành phố đã chỉ đạo các ngành chức năng chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các nội dung được giao trong Luật Thủ đô, cụ thể như sau:

- *Quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, kiến trúc đối với khu vực cải tạo, tái thiết đô thị tại các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa và Hai Bà Trưng* (Theo quy định tại Khoản 3, Điều 10 Luật Thủ đô, UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ xây dựng dự thảo), tuy nhiên, đến nay do nhiều nguyên nhân văn bản chưa được ban hành⁹.

thuộc các lĩnh vực xây dựng kiến trúc, văn hóa để hoàn thiện quy định chi tiết...); nội dung quy định nâng mức phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực văn hóa, đất đai, xây dựng (Điều a Khoản 2 Điều 20) bị chậm, bởi Luật Thủ đô và Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực thi hành cùng thời điểm, nên các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực xây dựng, văn hóa, đất đai đang được Chính phủ soạn thảo để sửa đổi, bổ sung, thay thế. Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013, HĐND Thành phố đã thông qua 02 Nghị quyết quy định về mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và xây dựng; 01 nội dung về quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội (Khoản 5 Điều 16 Luật Thủ đô), do cần được xây dựng đồng bộ với Nghị quyết của HĐND quy định liên quan đến nội dung này. Nên đến ngày 28/11/2013 UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

⁸ Đối với lĩnh vực đất đai, ngày 10/11/2014 Chính phủ mới ban hành Nghị định số 102/2014/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, theo đó đã nâng mức tiền phạt (so với Nghị định trước đây), nên UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, địa phương nghiên cứu việc lựa chọn hành vi để xây dựng dự thảo Nghị quyết trình HĐND Thành phố.

⁹ UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, xây dựng dự thảo Quyết định và tổ chức lấy ý kiến của Sở, ngành và UBND các quận. Dự thảo Quyết định đã báo cáo tập thể UBND Thành phố và xin ý kiến của các Bộ, ngành liên quan. Ngày 02/7/2014 UBND Thành phố đã có Tờ trình số 48/TTr-UBND về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc đối với khu vực các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng thành phố Hà Nội gửi Thủ tướng Chính phủ xem xét. Tuy nhiên, đây là văn bản có nội dung nghiên cứu phức tạp được thực hiện theo Luật Thủ đô, bị chi phối bởi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và hệ thống các Quy chuẩn Quốc gia, Tiêu Chuẩn Việt Nam do Bộ Xây dựng và các Bộ khác ban hành. Mặt khác, đây cũng là hệ thống các chỉ tiêu kỹ thuật để điều tiết việc quy hoạch xây dựng tại khu vực rất đặc thù và nhạy cảm là khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội. Do đó, mặc dù Dự thảo đã thực hiện đầy đủ các quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, lấy ý kiến bằng nhiều hình thức của các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị và đăng tải trên trang điện tử, nhiều lần tiếp thu và hoàn chỉnh theo ý kiến góp ý của các Bộ nhưng đến nay vẫn còn nhiều ý kiến, Bộ Xây dựng chưa thống nhất nên thời gian xây dựng văn bản chưa đảm bảo theo đúng Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ. UBND Thành phố đã có Công văn số 3788/UBND-ĐT ngày 24/6/2016 báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; Công văn số

- *Quy định về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội* (Khoản 1 Điều 9 và Khoản 4 Điều 15), UBND Thành phố phối hợp với Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng dự thảo. Ngày 23/01/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/QĐ-TTg về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội¹⁰.

- *“Quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội”* (Khoản 3 Điều 14) thuộc trách nhiệm ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đề nghị của UBND thành phố Hà Nội¹¹. Trên cơ sở đề nghị của UBND Thành phố, ngày 05/9/2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

c) Đối với các văn bản quy định chi tiết khác

Bên cạnh các văn bản quy phạm được giao quy định chi tiết theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Luật Thủ đô còn giao Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô (Khoản 2 Điều 23 Luật Thủ đô); Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng nghề trên địa bàn thủ đô theo nguyên tắc tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và cả nước (Khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô). Tuy nhiên, những nội dung nêu trên chưa được ban hành đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả tổ chức thi hành những quy định của Luật Thủ đô trên thực tế.

4. Công tác kiểm tra, rà soát, giám sát văn bản quy định chi tiết Luật Thủ đô

Công tác kiểm tra, giám sát văn bản đã được HĐND, UBND thành phố Hà Nội quan tâm, thực hiện. Theo đó, đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn chủ động việc tham mưu, giúp HĐND, UBND kịp thời thực hiện việc tự kiểm tra, rà soát đối với 100% Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND Thành phố. Kết quả kiểm tra, các Nghị quyết, Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Thủ đô đều được ban hành đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp về nội dung, hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành văn bản; kết quả rà soát đã kịp thời sửa đổi, bổ

4980/UBND-ĐT ngày 24/8/2016 gửi Văn Phòng Chính phủ giải trình ý kiến của Bộ Xây dựng về nội dung dự thảo Quyết định.

¹⁰ UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành thực hiện việc tham gia góp ý đối với dự thảo (Văn bản số 4294/QHKT-P9 ngày 19/12/2013, số 4443/QHKT-P9 ngày 31/12/2013 của Sở Quy hoạch-Kiến trúc,...).

¹¹ Đây là quy định những tiêu chuẩn bảo vệ môi trường theo hướng nghiêm ngặt hơn quy chuẩn chung, nên UBND thành phố chỉ đạo, xin ý kiến các Bộ ngành trước khi đề xuất để đảm bảo tính khả thi. Ngày 27/02/2014 UBND thành phố Hà Nội đã có văn bản số 1326/UBND-TNMT gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo, đề xuất về Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trên địa bàn Thủ đô.

sung đối với 02 Nghị quyết của HĐND. HĐND Thành phố thường xuyên thực hiện hoạt động giám sát đối với UBND Thành phố và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô và Nghị quyết HĐND thông qua các hoạt động chất vấn tại các kỳ họp, các hoạt động giám sát, khảo sát theo chuyên đề của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND Thành phố. Tính đến ngày 31/12/2017, HĐND Thành phố đã có 15 cuộc giám sát của Thường trực HĐND và 105 cuộc giám sát, khảo sát của các Ban HĐND. Chủ đề chất vấn tại các kỳ họp, giám sát, khảo sát chuyên đề của HĐND Thành phố đã được lựa chọn trên cơ sở các quy định của Luật Thủ đô như: việc thực hiện quy định về trường chất lượng cao; quản lý, sử dụng biệt thự, nhà thuộc sở hữu nhà nước; cải tạo, xây dựng chung cư cũ, phát triển hệ thống vận tải, hành khách công cộng, việc triển khai các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, xử phạt lĩnh vực đất đai, xây dựng, vi phạm về an toàn phòng cháy chữa cháy... được dư luận cử tri và nhân dân Thủ đô đồng tình, đánh giá cao.

Qua công tác kiểm tra, rà soát, giám sát cho thấy: các quy định của Luật Thủ đô và văn bản quy định chi tiết đều được các cấp, các ngành Thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc; các quy định có tính khả thi, giúp cho hoạt động quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực, phạm vi văn bản điều chỉnh có kết quả chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển của Thủ đô. Đồng thời là cơ sở quan trọng để Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời nhằm khắc phục hạn chế, yếu kém trong tổ chức thực hiện hoạt động quản lý nhà nước nói chung và thực hiện Luật Thủ đô nói riêng trong thời gian qua

II. TÁC ĐỘNG CỦA CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT VÀ VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT

1. Về quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô và biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch (Điều 8, Điều 9)

a) Triển khai xây dựng các quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô

Công tác quy hoạch, phát triển không gian, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật được thành phố Hà Nội đặc biệt chú trọng. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạch định và xây dựng Thủ đô, Thành phố đã phê duyệt 26/35 đồ án quy hoạch phân khu, 31/33 đồ án quy hoạch chung trong đó có quy hoạch 5 đô thị vệ tinh (Sóc Sơn, Sơn Tây, Hoà Lạc, Xuân Mai và Phú Xuyên); tiến hành lập 80 hồ sơ (50 nhiệm vụ và 30 đồ án) quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị, hai bên tuyến đường, chỉ giới đường đỏ...; Tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc Làng nghề Bát Tràng, Vạn Phúc...

Việc xây dựng, phát triển không gian đô thị đã đạt một số thành công bước đầu. Các khu đô thị mới hiện đại, văn minh như: Văn Quán, Mỹ Đình, Mỗ Lao,

ParkCity Hà Nội, An Khánh,... về phía Tây; Việt Hưng, Vinhomes Riverside về phía Đông; Linh Đàm, Garmuda về phía Nam; Ciputra ở phía Bắc... cùng với các khu đô thị mới trong vành đai 3 như Royal City, Times City, Trung Hòa Nhân Chính đã tạo diện mạo mới cho Thủ đô. Thành phố Hà Nội cũng đẩy mạnh phát triển vùng đô thị mở rộng lên phía Bắc với một số dự án như công viên Kim Quy, trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia (huyện Đông Anh). Hiện tại UBND thành phố Hà Nội đang xúc tiến kêu gọi nhà đầu tư phát triển Thành phố thông minh khu vực hai bên tuyến đường Nhật Tân – Nội Bài.

Thành phố Hà Nội phối hợp các bộ, ngành trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 05/05 đồ án Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Thủ đô Hà Nội¹²; Thực hiện phê duyệt các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn Thủ đô¹³.

Việc lập, phê duyệt quy hoạch và xây dựng không gian đô thị đảm bảo nguyên tắc công khai, đồng bộ, ổn định, lâu dài theo quy định tại Điều 8 Luật Thủ đô và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

b) Về các biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật Thủ đô trong nội thành không mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới khu công nghiệp, cơ sở công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thành phố Hà Nội không xem xét giải quyết các trường hợp mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có; không xây dựng mới các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (chỉ chấp thuận một số dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ, không tăng giường bệnh như bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức...). Thành phố cũng đã xem xét, giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng các cơ sở bệnh viện, cơ sở giáo dục, các cơ quan đơn vị để phục vụ di dời theo nhu cầu thực tiễn của các Bộ ngành, như:

¹² (1) Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (2) Quyết định số 725/QĐ-TTg ngày 10/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (3) Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (4) Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. (5) Quyết định số 519/QĐ-TTg ngày 31/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050."

¹³ Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016- 2025, có xét đến năm 2035; Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Các bệnh viện đã và đang thực hiện di dời 08 cơ sở, trong đó 02 cơ sở đã đi vào sử dụng (Bệnh viện K cơ sở 2 và Bệnh viện Nội tiết Trung ương); Thành phố đã bố trí quỹ đất khu các trường đại học tập trung tại Hòa Lạc (quy mô 279,5 ha), đến nay mới có 01 trường được giới thiệu di dời đến khu vực này (Khoa Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội) và đang thực hiện di dời 01 trường (Đại học Y tế công cộng); giới thiệu, bố trí quỹ đất phục vụ di dời cho 09 cơ quan thuộc các Bộ và cơ quan ngang Bộ. Tuy nhiên, các khu đất sau di dời các đơn vị vẫn tiếp tục sử dụng, bàn giao cho cơ quan trung ương quản lý hoặc được chấp thuận chuyển mục đích sử dụng dụng đất (Đầu tư xây dựng dự án nhà ở, văn phòng, thương mại cao tầng).

- Biện pháp di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, công nghiệp ra ngoài khu vực nội thành

Thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan đơn vị trong nội thành Hà Nội. UBND Thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị (Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 16/4/2015); Đã tổ chức việc quan trắc, phân tích đánh giá ô nhiễm môi trường tại các cơ sở có khả năng gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn 12 quận nội thành; Thực hiện việc rà soát, đối chiếu, xác định các cơ sở không phù hợp quy hoạch và dự kiến quy hoạch sử dụng đất sau khi di dời. Qua đó đã xác định lộ trình đến năm 2020 di dời 117 cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn 12 quận ra khỏi nội thành. Đã tổ chức phân nhóm tiêu chí, thứ tự di dời (Di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch và gây ô nhiễm môi trường; Di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch tạo quỹ đất để Thành phố bổ sung công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường...); lộ trình di dời các cơ sở công nghiệp theo 04 giai đoạn: Giai đoạn 1: 04 quận nội thành: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng; Giai đoạn 2: di dời các cơ sở vừa gây ô nhiễm môi trường vừa không phù hợp quy hoạch; Giai đoạn 3: di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; Giai đoạn 4: di dời các cơ sở còn lại. Hiện đang xem xét 21 dự án thuộc diện di dời nhà máy ra khỏi khu vực nội thành, với diện tích chuyển mục đích sử dụng đất là 346.000m²; trong đó diện tích xây dựng nhà ở là 141.862m²; diện tích đất trường học là 39.136m²; diện tích đất hạ tầng kỹ thuật là 150.258m²; diện tích đất thương mại, dịch vụ là 11.238m².

Đã bước đầu xây dựng cơ chế mang tính nguyên tắc chung áp dụng đối với từng loại đối tượng để hỗ trợ, khuyến khích thực hiện di dời, khai thác sử dụng quỹ đất tạo nguồn vốn tái đầu tư cho các cơ sở phải di dời.

Đối với công tác di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục theo Quyết định 130/QĐ-TTg, đến nay, các Bộ được giao nhiệm vụ chưa trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt danh mục, tiêu chí, lộ trình và biện pháp, cơ chế tài chính về di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục cần phải di dời ra ngoài khu vực nội thành. Đối với quy hoạch xây dựng hệ thống trụ sở làm việc của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các đoàn thể tại Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 đang được Bộ Xây dựng chủ trì lập theo nhiệm vụ Quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 837/QĐ-TTg ngày 04/6/2014 (trong đó yêu cầu xác định các trụ sở Bộ, ngành cần phải di dời). Trong quá trình xây dựng nhiệm vụ, UBND Thành phố đã có văn bản tham gia ý kiến.

- Về quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường

Cùng với việc hoàn thành các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, Thành phố đã tổ chức rà soát, xây dựng danh mục đồ án đến năm 2020 gồm: 56 đồ án quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường (42 đồ án giao trước năm 2015), nhằm đảm bảo quy hoạch chi tiết trục đường mới trong đô thị theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Luật Thủ đô và Khoản 3, Điều 31 Luật Quy hoạch đô thị, phải đảm bảo phạm vi lập quy hoạch mở rộng mỗi bên khoảng 50m.

Sau khi Luật Thủ đô có hiệu lực, Thành phố đã phê duyệt một số đồ án quy hoạch chi tiết 2 bên tuyến đường: tuyến đường Nhật Tân - Nội Bài; tuyến đường 179 (đoạn quốc lộ 5 đến thôn Chu Xá, xã Kiêu Ky); tuyến đường Dốc Hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam (trong đó đều đảm bảo phạm vi lập quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị).

2. Về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan và xây dựng đô thị (Điều 10)

a) Công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị

Khoản 1 Điều 10 Luật Thủ đô quy định không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị của Thủ đô phải được quản lý theo đồ án quy hoạch. Để triển khai thực hiện quy định của Luật, Thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý xây dựng như: Quy định về việc cấp giấy phép quy hoạch; Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố; Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch; Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung Thành phố; Quy chế quản lý Khu phố Cổ, phố cũ; Quy chế quản lý công trình cao tầng đã được ban hành là

công cụ, hành lang pháp lý để quản lý, kiểm soát quy hoạch phát triển đô thị theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô¹⁴.

Thành phố đã phê duyệt hơn 136 đồ án quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị, hai bên tuyến đường, các dự án hạ tầng xã hội, kỹ thuật đô thị. Thực hiện rà soát 642 đồ án, dự án trên địa bàn mở rộng; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục triển khai 329 đồ án, dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch Hà Nội mở rộng. Hoàn thành việc rà soát, đề xuất cho dừng, giãn và hoãn, chuyển đổi mục đích đầu tư các dự án không phù hợp quy hoạch.

b) Về bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị

Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà biệt thự xây dựng trước năm 1954 trên địa bàn Thành phố để triển khai thực hiện quy chế này, UBND Thành phố đã tổ chức xây dựng danh mục các công trình kiến trúc khác có giá trị, trình HĐND ban hành Nghị quyết 24/2013/NQ-HĐND. Tiến hành rà soát các biệt thự, công trình kiến trúc khác được xây dựng trước năm 1954 trong danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2008/NQ-HĐND và Nghị quyết 24/2013/NQ-HĐND. Ngày 04/7/2017 Hội đồng nhân dân đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐND điều chỉnh danh mục biệt thự kèm theo Nghị quyết 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 về Đề án quản lý quỹ nhà biệt thự trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thành phố tiếp tục công tác chỉnh trang, bảo tồn phố cổ, phát huy giá trị không gian đi bộ khu bảo tồn cấp 1 trong khu phố cổ (với 12 tuyến phố) kết nối với không gian đi bộ khu vực hồ Hoàn Kiếm đạt hiệu quả cao đáp ứng được yêu cầu của nhân dân và khách du lịch.

c) Về cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến đường giao thông, thiết kế đô thị (theo Khoản 2, Khoản 3, Điều 10 Luật Thủ đô).

Để triển khai quy định này của Luật Thủ đô, căn cứ các quy định của Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND Thành phố đã giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc tổ chức rà soát, xây dựng danh mục kế hoạch quy hoạch trung hạn và ngắn hạn, trình UBND Thành phố phê duyệt, trong đó danh mục đồ án đến năm 2020 gồm 94 đồ án thiết kế đô thị (trong đó 46 đồ án giao trước năm 2015); giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn tạm thời về quản lý xây dựng kiến trúc hai bên tuyến đường vành đai 2 và các tuyến đường giao thông mới mở theo quy hoạch, phải tiến hành giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội; ban hành hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt các đồ án thiết kế đô thị riêng trên địa bàn Thành phố.

¹⁴ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013 và Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013; Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014; Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc Khu phố cổ (Quyết định số 6398/QĐ-UBND ngày 24/10/2013); Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc Khu phố cũ (Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 13/8/2015); Quy chế quản lý kiến trúc công trình cao tầng khu vực nội đô (Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 04/4/2016).

Công tác chỉnh trang, nâng cấp đô thị được triển khai đồng bộ. Nhiều vườn hoa, công viên được cải tạo, xây mới. Các công trình được xây mới: Công viên Hoà Bình, Yên Sở; Vườn hoa 01/6 (Nguyễn Lương Bằng), Hàng Trống (42 Nhà Chung), Cổ Tân...; cải tạo, chỉnh trang công viên Thống Nhất, công viên Thủ Lệ, công viên Lê Nin, vườn hoa Lý Tự Trọng... Nhiều tuyến phố được chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; hoàn thành xây dựng công trình hạ ngầm tại 58/128 tuyến phố, thanh thải, sắp xếp và bó gọn các đường dây cáp đi nổi trên 500 tuyến phố trên địa bàn các quận nội thành, các tuyến phố sau khi thanh thải, sắp xếp lại đã trở nên khang trang và hiện đại.

Hệ thống cây xanh đô thị được tập trung đầu tư và phát triển gắn với hệ thống công viên, hồ nước tạo thành không gian xanh đô thị, phục vụ công cộng. Thành phố phát động Chương trình trồng 1 triệu cây xanh, trong 2 năm 2016, 2017 đã thực hiện trồng trên 620 nghìn cây xanh bóng mát. Tiến hành cải tạo môi trường các hồ bằng nguồn xã hội hóa trên địa bàn để cải thiện môi trường nước hồ và tạo cảnh quan cho khu vực. Đến nay, Thành phố đã xử lý được 130 hồ (bao gồm 86 hồ nội thành và 44 hồ ngoại thành) đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn QCVN 08-MT:2015, đồng thời bổ sung lắp đặt máy sục khí, bè thủy sinh trên hồ, nạo vét bùn đáy hồ để tăng cường khả năng làm sạch của hồ góp phần duy trì chất lượng nước hồ sau xử lý và tạo cảnh quan trên hồ. Việc thực hiện xử lý, duy trì chất lượng nước các hồ đã đem lại hiệu quả thiết thực cho cộng đồng, tạo ra một môi trường hồ xanh, sạch đẹp.

Hệ thống chiếu sáng, trang trí đô thị được đầu tư chiều sâu, đảm bảo ngày càng sáng hơn, đẹp hơn. Cơ bản hoàn thành trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng đô thị với tỷ lệ chiếu sáng đường phố đạt 98%; thực hiện phương án vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng theo chế độ tiết kiệm điện năng, tăng cường ứng dụng công nghệ chiếu sáng bằng đèn LED cho các dự án tiêu biểu trên địa bàn Thủ đô (cầu Nhật Tân, đường Thanh Niên, Hùng Vương...); thực nghiệm hệ thống chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió); thí điểm xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị tiết kiệm điện năng thông minh và đã chấp thuận lập đề án PPP hệ thống chiếu sáng đô thị tiết kiệm điện năng thông minh.

d) Về xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực 04 quận (theo Khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô)

Từ năm 2013, UBND Thành phố đã phối hợp với Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia (thuộc Bộ Xây dựng) tổ chức xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực các quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng. Dự thảo Quy chuẩn đã bám sát quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan: đã tổ

chức hội thảo, hội nghị lấy ý kiến chuyên gia, các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức xã hội nghề nghiệp; được đăng tải, lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Thành phố. Dự thảo đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành: Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ. Trong quá trình xây dựng, Bộ Xây dựng nhiều lần có ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp và ý kiến tại các văn bản: số 127/TB-BXD ngày 22/4/2013, số 2816/BXD-KHCN ngày 30/12/2013, số 2140/BXD-KHCN ngày 06/9/2014 và số 2799/BXD-KHCN ngày 26/11/2015. UBND Thành phố đã có Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 02/7/2014 và Công văn số 3788/UBND-ĐT ngày 24/6/2016 báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch kiến trúc tại khu vực các quận Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng đã được thực hiện đúng quy trình, quy định, tuy nhiên thời gian xây dựng bị kéo dài, chưa thống nhất ý kiến giữa Bộ Xây dựng và UBND Thành phố về một số vấn đề, UBND Thành phố đã có báo cáo giải trình tại công văn 4980/UBND-ĐT ngày 24/8/2016, đồng thời đề xuất Thủ tướng Chính phủ ủy quyền để UBND Thành phố ban hành quy chuẩn hoặc giao Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Về bảo tồn và phát triển văn hoá (Điều 11)

Để triển khai quy định việc bảo tồn và phát triển văn hóa Thủ đô và Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố về Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô cần tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, UBND Thành phố đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc phố cổ Hà Nội và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết¹⁵. Kết quả đạt được như sau: Thành phố đã hoàn thành công tác chỉnh trang, bảo tồn mặt đứng tuyến phố chuyên doanh Đông Nam dọc Lãn Ông. Mở rộng không gian đi bộ sang khu bảo tồn cấp 1 trong khu phố cổ (với 11 tuyến phố) và tổ chức thí điểm không gian đi bộ khu vực Hồ Hoàn Kiếm và vùng phụ cận đáp ứng được nhu cầu của nhân dân và khách du lịch; phê duyệt triển khai Đề án đầu tư, tôn tạo bảo tồn và phát huy di tích Làng cổ Đường Lâm, thị xã Sơn Tây giai đoạn 2014-2020, đã đầu tư cải tạo được 10 nhà cổ với tổng kinh phí là 12,939 tỷ đồng; hoàn thành trùng tu, tôn tạo một số dự án: Chùa Kim Cổ, Đình Phả Trúc Lâm, Đình Đông Thành, Đình Tú Thị. Hiện nay, một số dự án bảo tồn, tôn tạo các di tích tiêu biểu trên địa bàn khu vực phố cổ đã được triển khai: Trùng

¹⁵ Quyết định số 6398/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 về việc ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc phố cổ Hà Nội và Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 13/5/2014; Quyết định số 4142/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 về việc phê duyệt Đề án đầu tư, tôn tạo bảo tồn và phát huy di tích Làng cổ Đường Lâm, thị xã Sơn Tây giai đoạn 2014-2020.

tu tôn tạo Quán chùa Huyền Thiên, Chùa Vĩnh Trù, Đình Tân Khai - Chùa Thái Cam, Chùa Một Cột, Đền Bà Kiệu...

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là lĩnh vực văn học nghệ thuật, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa được tăng cường, Thành phố đã hoàn thành Đề án “Tổng kiểm kê di tích toàn Thành phố”, kết quả tổng số trên địa bàn Thủ đô có 5.922 di tích trong đó có 2.396 di tích đã được xếp hạng; nhiều di sản của Hà Nội được công nhận, xếp hạng quốc gia, quốc tế, trong đó có 12 di tích được xếp hạng quốc gia đặc biệt; 3 di sản văn hóa được UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới là Hoàng thành Thăng Long, 82 bia đá tiền sử tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám và Lễ hội Gióng ở đền Sóc và đền Phù Đồng; Thủ tướng Chính phủ công nhận 10 nhóm vật quốc gia với hàng trăm bảo vật quý giá.

Việc xây dựng “Văn hóa Người Hà Nội thanh lịch, văn minh” đã trở thành phong trào rộng khắp, được sự hưởng ứng, tham gia tích cực, có hiệu quả của các cấp, các ngành Thành phố. Bên cạnh những tiêu chí chung của Thành phố, nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng những tiêu chí cụ thể để thực hiện phong trào. Việc triển khai xây dựng bộ quy tắc ứng xử nơi công cộng và đưa vào giảng dạy bộ tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh Thủ đô... đã góp phần nâng cao nhận thức, khơi dậy niềm tự hào, điều chỉnh hành vi của người Hà Nội, nhất là thế hệ trẻ; những giá trị, nét đẹp văn hoá của người Hà Nội thanh lịch, văn minh, truyền thống trong gia đình, họ tộc và cộng đồng dân cư được kế thừa và phát huy.

Triển khai Nghị quyết số 16/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của HĐND Thành phố ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô. UBND Thành phố ban hành quy định về quy trình, tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công viên, vườn hoa, khu vui chơi, giải trí, công trình văn hóa không có khả năng kinh doanh và bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội¹⁶, đến nay đã huy động được gần 400 tỷ đồng cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa; Thành phố đã công bố Danh mục các dự án dự kiến thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020 (đợt 1) trong đó có 11 dự án Công viên với tổng mức đầu tư 36.800 tỷ đồng. Tiến hành khởi công 02 công trình là Công viên hồ và hồ điều hòa CV1, tại khu đô thị mới Cầu Giấy với tổng mức đầu tư 938 tỷ đồng và Dự án Công viên văn hóa du lịch vui chơi giải trí Kim Quy có diện tích trên 100 ha với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 4.600 tỷ đồng.

¹⁶ Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND Thành phố.

Các làng nghề truyền thống có trong danh mục đã được cộng đồng nhân dân quan tâm, bảo tồn để phát triển du lịch như Làng nghề Gốm sứ Bát Tràng, Làng nghề Dệt Lụa Vạn Phúc. Các làng nghề chưa có trong danh mục được chính quyền các cấp, nhân dân quan tâm đầu tư, bảo tồn và thu thập tài liệu liên quan để đề nghị HĐND Thành phố tiếp tục đưa vào danh mục. Đây là những tác động quan trọng mang lại hiệu quả không chỉ cho việc phát triển kinh tế các làng nghề mà còn phục vụ phát triển du lịch của Thủ đô. Các loại hình văn hóa phi vật thể được HĐND Thành phố ban hành trong Nghị quyết như Ca trù, Hội Gióng được chính quyền và nhân dân Thủ đô quan tâm đặc biệt. Liên hoan ca trù toàn quốc chuẩn bị được diễn ra tại Hà Nội. Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị không gian lễ hội Gióng phục vụ du lịch được hoàn thiện trình UBND Thành phố phê duyệt.

4. Về phát triển Giáo dục và Đào tạo (Điều 12)

Quy định thực hiện phổ cập và phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia, được Thành phố quan tâm triển khai thực hiện. Sau 05 năm thực hiện Luật Thủ đô, thành phố Hà Nội đã ban hành quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. thành phố Hà Nội được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục THCS mức độ 1, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 và hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi sớm trước thời hạn so với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 02 năm và trước kế hoạch của Thành phố 01 năm.

Đến nay, thành phố Hà Nội đã công nhận trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học cụ thể: 1338/2155 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia chiếm 62,1% (trong đó, có 408/1084 trường công lập, đạt 37,6%); 490/728 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, chiếm 37,6% (trong đó, có 438/685 trường tiểu học công lập, đạt 70,5%); 408/617 trường THCS công lập đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 66,1% (trong đó, có 406/594 trường THCS công lập, đạt 68,4%); 68/212 trường THPT đạt chuẩn quốc gia, chiếm 32,1% (trong đó, có 61/112 trường THPT công lập, đạt 54,5%).

Việc thực hiện quy định xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành đã được Thành phố chỉ đạo quyết liệt thực hiện. Đến năm 2018, toàn Thành phố có 16 trường được Thành phố ra quyết định công nhận trường chất lượng cao (*trong đó, có 07 trường mầm non, 04 trường tiểu học, 02 trường THCS, 03 trường THPT*).

5. Phát triển khoa học và công nghệ (Điều 13)

a) Về phát triển khoa học công nghệ:

Sau 5 năm thực hiện Luật Thủ đô, Thành phố ban hành một số chủ trương, giải pháp phát triển đồng bộ các hoạt động khoa học và công nghệ¹⁷. Thành phố đã triển khai 511 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và công nghệ. Trong đó, đã huy động sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín và sự phối hợp của các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ với 82 dự án, đề tài. Kết quả ứng dụng của các công trình nghiên cứu khoa học đã góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ và năng suất chất lượng trong các ngành, lĩnh vực, cũng như năng lực quản lý của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố.

Với mục tiêu phát triển thị trường khoa học công nghệ tạo môi trường để các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học công nghệ quảng bá, giới thiệu các công nghệ, thiết bị tiên tiến, công nghệ sạch thúc đẩy phát triển giao dịch mua bán công nghệ, gắn kết giữa nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ sản xuất, kinh doanh, xúc tiến đầu tư thương mại hóa sản phẩm, hỗ trợ đổi mới công nghệ và thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập và phát triển, hàng năm Thành phố phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thành công Chợ công nghệ (Techmart Hanoi) thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước tham gia. Tại các kỳ Techmart Hanoi bên cạnh trưng bày, giới thiệu công nghệ, thiết bị, sản phẩm khoa học và công nghệ; giao dịch thương thảo, ký kết hợp đồng, biên bản ghi nhớ; tư vấn về khoa học và công nghệ; thuyết trình giới thiệu công nghệ, thiết bị và sản phẩm mới còn có hội thảo chuyên đề giới thiệu cơ chế chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp khoa học công nghệ phát triển.

Với mục tiêu phát triển khoa học - công nghệ gắn với phát triển kinh tế tri thức, Thành phố triển khai xây dựng Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ với việc phê duyệt triển khai 04 dự án thành phần gồm: Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ được xây dựng tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc; Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên được triển khai xây dựng tại phường Xuân La, quận Tây Hồ; Dự án Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm được xây dựng tại xã Mai Lâm, huyện Đông Anh¹⁸.

¹⁷ Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô giai đoạn 2015 – 2020; Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội; Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội.

¹⁸ Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ và Giám định công nghệ; Quyết định số 4941/QĐ-UBND ngày 30/10/2012 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên; Quyết định số 6525/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 phê duyệt đầu tư Dự án Trung tâm công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm.

b) Về chính sách trọng dụng nhân tài; chính sách ưu đãi để áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô

Thực hiện Chính sách trọng dụng nhân tài, hàng năm Thành phố đã tổ chức Lễ tuyên dương các thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, học viện trên địa bàn Thủ đô tại Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám đối với 384 sinh viên xuất sắc tốt nghiệp đứng đầu các trường đại học, học viện. Qua lễ tuyên dương Thành phố đã quyết định tiếp nhận 53 thủ khoa xuất sắc vào làm việc tại các sở, ban, ngành, quận, huyện và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố. Cùng với các thủ khoa xuất sắc, Thành phố tuyển dụng đặc cách đối với 54 viên chức là người tốt nghiệp loại Giỏi các ngành sân khấu biểu diễn, vận động viên xuất sắc đạt Huy chương và nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; thực hiện Đề án đào tạo, tuyển dụng bác sỹ nội trú cho ngành y tế Hà Nội đã tuyển dụng 12 bác sỹ nội trú tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội về công tác tại các bệnh viện thuộc Thành phố; bổ sung kinh phí cho Quỹ khuyến khích và đào tạo tài năng của Thành phố số tiền là 68 tỷ đồng nhằm đảm bảo đủ kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân tài của Thành phố.

c) Thực hiện chính sách ưu đãi để áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô

Thực hiện chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và các nhà khoa học và công nghệ tham gia thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô theo quy định của Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND và Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 07/10/2013 của UBND Thành phố. Hằng năm, Thành phố đã bố trí kinh phí chi sự nghiệp khoa học công nghệ đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ, chương trình về khoa học, công nghệ của Thành phố, với tỷ lệ không thấp hơn chỉ tiêu Trung ương giao. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố luôn được duy trì tối thiểu là 100 tỷ đồng. Đã có 82 dự án, đề tài thu hút được sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín và sự phối hợp của các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học công nghệ.

Thành phố tổ chức Hội nghị giữa 3 nhà (nhà quản lý - nhà khoa học - nhà sản xuất, kinh doanh) nhằm tạo sự gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với quản lý và sản xuất kinh doanh; thúc đẩy việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu, thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tế quản lý,

sản xuất kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Sau 5 năm thực hiện Luật Thủ đô, việc xây dựng, ban hành, thực thi phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn Hà Nội đã mang lại những kết quả tích cực, rõ nét. Nhiều cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động khoa học và công nghệ đã được Thành phố ban hành kịp thời. Những chủ trương, giải pháp Thành phố đưa ra đã từng bước tạo nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động khoa học và công nghệ. Trên thực tế, các chính sách đã được triển khai toàn diện, những giải pháp đó đã có tác dụng thúc đẩy hoạt động KH&CN, góp phần đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

6. Quản lý và bảo vệ môi trường (Điều 14)

Để đảm bảo quy định quản lý và bảo vệ môi trường Thủ đô được thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững, gắn yếu tố tự nhiên, văn hoá và lịch sử, đảm bảo tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch, UBND Thành phố đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, đã tập trung triển khai nhiều chương trình, dự án, đề án nhằm từng bước cải thiện môi trường Thủ đô, như: đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phế thải xây dựng, chất thải công nghiệp và công nghiệp nguy hại (Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn giai đoạn II, mở rộng Khu xử lý chất thải Xuân Sơn, Khu xử lý rác thải Việt Hùng Đông Anh, Khu xử lý rác thải Phương Đình, Đan Phượng; Ô chôn lấp rác Fukuoka; KXL chất thải rắn Đồng Ké, Chương Mỹ; Nhà máy xử lý chất thải Sơn Tây - Seraphine, Lò đốt chất thải rắn công nghiệp NEDO theo công nghệ đốt phát điện công suất 75 tấn/ngày); xây dựng vận hành Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở (xử lý nước thải sinh hoạt) công suất 200.000m³/ngày đêm. Đã hoàn thành nhà máy xử lý nước thải Hồ Tây (công suất 15.000m³/ngày đêm); đầu tư 03 dự án xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề (Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm làng nghề tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức để xử lý nước thải cho làng nghề 3 xã đầu nguồn sông Nhuệ; Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và làng nghề huyện Hoài Đức... Triển khai một số dự án, đề án thử nghiệm xử lý nước sông, hồ và đã đạt được một số kết quả nhất định. Chất lượng nước các hồ được xử lý đã cải thiện ở mức độ khác nhau, giảm mùi hôi, sinh vật sống được trong nước (Đề án cải tạo sông Tô Lịch đã được triển khai giúp cho môi trường lưu vực sông Tô Lịch được cải thiện đáng kể, cộng đồng dân cư sống trên lưu vực sông Tô Lịch được nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường sông Tô Lịch). Việc triển khai chương trình thử nghiệm xử lý ô nhiễm nước hồ nội thành được quan tâm, kết quả của chương trình thử

nghiệm bằng các công nghệ lựa chọn đều phát huy hiệu quả, chất lượng nước các hồ được cải thiện ở mức độ khác nhau, giảm mùi hôi, sinh vật sống được trong nước và được cộng đồng dân cư xung quanh các hồ được xử lý đồng tình ghi nhận. Để tăng cường xã hội hóa trong cải tạo môi trường, UBND Thành phố đã ban hành và tích cực triển khai Đề án "Cải tạo môi trường các hồ nội thành Hà Nội". Hạ tầng kỹ thuật (chiếu sáng, cây xanh, đường dạo, vỉa hè) đã được hoàn thiện. Triển khai chương trình "một triệu cây xanh"; nâng cấp hoạt động của Trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng đô thị sử dụng công nghệ truyền thông qua mạng không dây GSM/GPRS với quy mô điều khiển giám sát đến 997 trạm đèn; triển khai thay thế thí điểm đèn chiếu sáng công cộng hiện có bằng đèn công nghệ LED để tiết kiệm năng lượng, điều khiển thông minh theo giờ, theo mùa, đạt yêu cầu chiếu sáng và nâng cao mỹ quan đô thị¹⁹.

7. Quản lý đất đai (Điều 15)

Thực hiện quy định của Luật Thủ đô, Thành phố đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 65/NQ-CP về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hà Nội, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành kế hoạch triển khai²⁰, theo đó Thành phố phân bổ chỉ tiêu điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Thành phố cho mỗi quận, huyện, thị xã làm cơ sở hoàn thiện điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp huyện. Tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trong thời gian sớm nhất để cụ thể hóa nội dung điều chỉnh quy hoạch của Thành phố đã được phê duyệt; đáp ứng kịp thời cho yêu cầu về quản lý đất đai, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

Trên cơ sở Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất, việc tổ chức thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Hàng năm, công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đã góp phần tạo nguồn thu ngân sách từ đất hàng năm khoảng 12.000 - 13.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 10% tổng nguồn thu ngân sách Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng Thủ đô. Việc tổ chức xây dựng, công bố công khai quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, hệ thống thông tin địa lý; thông tin về địa chính, giá quyền sử dụng đất, giá cho thuê đất, thông tin về quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn Thủ đô đã được thực hiện nghiêm theo đúng quy định của Luật Thủ đô.

¹⁹ Thay thế hơn 200 bộ đèn hiện có bằng các bộ đèn mới công nghệ LED trên các tuyến phố khu vực trung tâm (phố Lê Lai, Hàng Bài - phố Huế...); Hoàn thành cải tạo, thay thế hệ thống chiếu sáng mỹ thuật công nghệ LED trên cầu Nhật Tân, đường Thanh niên bằng nguồn vốn xã hội hóa.

²⁰ Kế hoạch số 145/KH-UBND về việc triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016- 2020) thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 15, Luật Thủ đô và Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về các biện pháp đảm bảo việc thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng kịp thời, đúng tiến độ đối với các dự án đầu tư quan trọng trên địa bàn Thủ đô. Để thực hiện các quy định trên, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 6239/QĐ-UBND ngày 15/10/2013 về việc quy định trình tự, thủ tục ban hành quyết định về kế hoạch tổ chức thực hiện thu hồi đất, khảo sát, điều tra, kiểm đếm, các biện pháp thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và phân kỳ thu hồi đất, giao đất giải phóng mặt bằng. Các quy định trên, đặc biệt là quy định về thường tiến độ đã khuyến khích, tạo sự đồng thuận cao từ đó, việc chấp hành, bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư được thực hiện nhanh và thuận tiện hơn. Đến nay, trên địa bàn Thành phố nhiều dự án trọng điểm đã hoàn thành công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng như: dự án xây dựng cầu Nhật Tân và đường dẫn hai bên đầu cầu (Tây Hồ, Đông Anh); dự án xây dựng đường nối Nhật Tân – Nội Bài (Đông Anh, Sóc Sơn); dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông (Đống Đa, Thanh Xuân, Hà Đông); dự án xây dựng đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng (Long Biên, Gia Lâm); dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới, đoạn Hà Nội – Thái Nguyên (Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn); dự án xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Ô Chợ Dừa – Hoàng Cầu (Đống Đa) và đoạn Ô Đông Mác – Nguyễn Khoái (Hai Bà Trưng); dự án vành đai 2, đoạn Nhật Tân – Xuân La – Bưởi – Cầu Giấy (Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa)... Nhiều dự án đã được giải phóng mặt bằng vượt tiến độ đề ra, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thành phố.

8. Về phát triển và quản lý nhà ở (Điều 16)

a) Chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ hiện đại, thuận tiện ở ngoại thành (Khoản 1, Điều 16)

Thực hiện Khoản 1, Điều 16; Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013, UBND Thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành, huyện ngoại thành rà soát, công khai Danh mục các dự án ưu tiên, kêu gọi đầu tư cho kỳ kế hoạch đầu tư 5 năm, kế hoạch đầu tư hàng năm để kêu gọi, thu hút đầu tư, nhằm phát triển đô thị, thúc đẩy việc giãn dân, giảm mật độ dân cư trong các quận nội thành. Tuy nhiên, kết quả do các đơn vị xây dựng chưa đúng theo yêu cầu, chưa xác định cơ chế đầu tư để đề xuất lập Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư cho kỳ kế hoạch đầu tư 5 năm, kế hoạch đầu tư hàng năm, kêu gọi, thu hút các Nhà đầu tư (trong nước, nước ngoài) tham gia đầu tư trên từng địa bàn nên từ đó lập Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư không rõ ràng về thông số chi tiết, chưa cụ thể về vị trí, chưa rõ việc sử dụng nguồn vốn đầu tư, mục tiêu đầu tư mới định tính, gây sự trùng lặp về dự án.

b) Chính sách cải tạo chung cư cũ, nhà cũ xuống cấp (Khoản 2, Điều 16)

Thực hiện quy định Khoản 2, Điều 16 của Luật Thủ đô; Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 23/7/2013 của HĐND Thành phố, UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp với các quận, huyện, thị xã tiến hành khảo sát, kiểm định đánh giá chất lượng nhà chung cư cũ. Qua rà soát xác định trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện có 1.579 nhà chung cư cũ, quy mô từ 2 đến 5 tầng, tập trung chủ yếu tại 4 quận nội thành cũ (969 nhà chung cư cũ), nhiều nhà chung cư xuống cấp nghiêm trọng, một số nhà hư hỏng nặng, nguy hiểm. Thành phố đã tiến hành kiểm định được 340 chung cư cũ, kết quả cụ thể: 130 nhà chung cư cũ cấp độ B; 206 nhà chung cư cũ cấp độ C; 04 nhà chung cư cũ cấp độ D. Thành phố đã thực hiện việc di dời người dân ra khỏi các chung cư nguy hiểm để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân.

Đến nay, Thành phố đã hoàn thành xây dựng mới đưa vào sử dụng 14 chung cư cũ, tiến phá dỡ 05 chung cư để cải tạo xây dựng mới; UBND Thành phố giao 19 nhà đầu tư lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để thực hiện cải tạo, xây dựng lại 28 khu chung cư tập trung với thời gian hoàn thành trong 06 tháng.

c) Về quy định tỷ lệ diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà thương mại, khu đô thị mới (Khoản 4 Điều 16)

Để triển khai thực hiện quy định này, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 25/7/2013 quy định về diện tích đất ở, nhà ở để phát triển nhà ở xã hội trong các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. Theo đó, các dự án nhà thương mại, khu đô thị mới có quy mô sử dụng đất từ 10 ha trở lên phải dành 25% diện tích đất ở hoặc 25% diện tích nhà để phát triển nhà ở xã hội. Trong 5 năm qua, việc thực hiện Nghị quyết được thực hiện nghiêm túc, các dự án có quy mô từ 10 ha trở lên khi phê duyệt quy hoạch và thực hiện dự án đều bố trí quỹ đất hoặc diện tích nhà để phát triển nhà ở xã hội theo đúng quy định.

9. Về phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật (Điều 17):

Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị khẩn trương thực hiện việc lập các đồ án Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo nhiệm vụ quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đến nay, toàn bộ 05/05 đồ án Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bao gồm: Quy hoạch cấp nước, thoát nước, nghĩa trang và xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Trong 5 năm qua, việc triển khai Điều 17 Luật Thủ đô đến nay cơ bản được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật và quy hoạch được phê duyệt, chưa có cơ chế chính sách riêng để cụ thể hóa Điều 17 Luật Thủ đô.

Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật, giao thông vận tải được Thành phố quan tâm, ưu tiên đầu tư và có chính sách huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng,

bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng. Để triển khai Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND của HĐND Thành phố ban hành quy định về ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác, áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải. Thành phố thực hiện sắp xếp điều chuyển luồng tuyến vận tải hành khách liên tỉnh bằng xe ô tô trên địa bàn Thành phố, đến nay đã hoàn thành 623/681 nốt của 24 tỉnh, chiếm 99%.

10. Về phát triển và quản lý giao thông vận tải (Điều 18)

a) Về quy hoạch mạng lưới, phát triển hệ thống giao thông vận tải: Quy hoạch Giao thông vận tải Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các quy hoạch chuyên ngành khác trong lĩnh vực giao thông vận tải (bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố, hệ thống bến thủy nội địa...) cũng đang được khẩn trương nghiên cứu hoàn thiện. Việc quản lý cầu, hầm, đường bộ trên địa bàn Thành phố đặc biệt quản lý các tuyến quốc lộ trên địa bàn đã được phân định rõ hơn, tạo điều kiện cho các địa phương chủ động thực hiện. Nhiều dự án, công trình phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải được ưu tiên đầu tư đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao năng lực mạng lưới hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

b) Về phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn: Thành phố ưu tiên về tổ chức giao thông đảm bảo để các phương tiện vận tải hành khách công cộng vận hành thông suốt, hạn chế tối đa các trở ngại, đảm bảo thuận tiện cho hành khách, trong đó, xe buýt hoạt động tại nhiều tuyến phố cấm ô tô (khoảng trên 20 tuyến phố). Tổ chức tuyến xe khách 2 tầng thoáng nóc (City Tour) phục vụ phát triển du lịch, tổ chức 03 tuyến xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch CNG. Việc sắp xếp các tuyến vận tải hành khách liên tỉnh đi và đến Hà Nội được bố trí tại các điểm đầu mỗi giao thông ở cửa ngõ theo các hướng Đông – Tây – Nam – Bắc. Tổ chức hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn kết nối giữa các đầu mối với nhau và với khu vực nội đô. Thành phố chỉ đạo Sở Giao thông vận tải tổ chức việc sắp xếp, điều chuyển toàn bộ các luồng, tuyến chưa phù hợp với định hướng Quy hoạch của 3 bến xe nằm trong khu vực thường xuyên ùn tắc giao thông, gồm các bến xe Mỹ Đình, Nước Ngầm, Giáp Bát với 681 nốt tổng số 20.396 chuyến/tháng (trung bình 680 chuyến/ngày).

Thực hiện chính sách ưu tiên đổi mới phương tiện, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng, Thành phố thực hiện nhiều biện pháp như: hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, miễn lệ phí trước bạ đối với phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch, miễn thuế nhập

khẩu phụ tùng, linh kiện thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để sản xuất, lắp ráp phương tiện hành khách công cộng²¹. Tính đến tháng 3/2018 tổng đầu tư, đổi mới phương tiện toàn mạng lưới xe buýt là 611 xe, nâng tổng số phương tiện hiện có là 1.974 xe. Tính đến nay, tổng số phương tiện được đầu tư mới thông qua hình thức đấu thầu là 213 xe tương ứng 11,87%.

Nhằm khuyến khích người dân sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn: Thành phố miễn vé xe buýt đối với trẻ em dưới 6 tuổi, thương binh, bệnh binh, người có công và người khuyết tật. Giảm giá vé đối với các đối tượng là học sinh phổ thông, sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề (không kể hệ đào tạo vừa học vừa làm), công nhân các khu công nghiệp và người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên. Trong đó, ngân sách Thành phố hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với các đối tượng học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp, người cao tuổi. Ngân sách Thành phố hỗ trợ 30% giá vé cho cán bộ, nhân viên tại các văn phòng, công sở, doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp mua vé tháng theo hình thức tập thể.²²

c) Về áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải: Thành phố đã ban hành Quyết định số 5953/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 trong đó xác định rõ nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông, các phần mềm quản lý điều hành hệ thống giao thông thông minh, điều hành tổ chức giao thông và xử lý vi phạm giao thông. Xây dựng bản đồ giao thông số trực tuyến để phục vụ công tác quản lý, điều hành và điều tiết giao thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng điểm đỗ xe nhằm tối ưu nhu cầu đỗ xe. Thành phố đã thí điểm xây dựng mô hình đỗ xe IPARKING trên tuyến phố Trần Hưng Đạo và Lý Thường Kiệt trên cơ sở đó nhân rộng tại các quận nội thành. Triển khai hệ thống thiết bị giám sát giao thông lắp đặt thí điểm nút Giải phóng – Kim đồng, khu vực bến xe Giáp Bát để quản lý và giám sát trật tự an toàn giao thông nhận rộng ra trên toàn Thành phố.

Công tác tổ chức, quản lý điều hành giao thông: Đến thời điểm hiện nay 100% (1.794 xe) phương tiện xe buýt được lắp đặt thiết bị hệ thống GPS trong đó 1521 xe tích hợp trang bị hệ thống báo điểm dừng bằng âm thanh. Lắp đặt Wifi miễn phí trên 553 xe của 39 tuyến, 984 xe của 68 tuyến được trang bị hệ thống bảng điện tử đèn LED có tích hợp với hệ thống GPS cung cấp thông tin tiện ích cho hành khách. Thành phố đã hoàn thành Trung tâm đèn tín hiệu giao thông kết

²¹ Trong năm 2017, Tổng công ty Vận tải Hà Nội đầu tư 34 phương tiện tiêu chuẩn Châu Âu có thiết kế cầu nâng tự động, vị trí có xe lăn, hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận giao thông công cộng.

²² Thống kê 05 năm (2013 -2018), số lượng người được hưởng chính sách giảm giá vé xe buýt của Thành phố: Học sinh, sinh viên là 996.323 lượt người, công nhân tại các khu công nghiệp 5.880 lượt người, người cao tuổi từ 60 trở lên 50.007 lượt người. Cán bộ, nhân viên tại các văn phòng công sở, doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp mua vé tháng theo hình thức tập thể: 41.362 lượt người. Thương binh, bệnh binh, người có công và người khuyết tật 30.860 lượt người.

nổi hơn 200 nút đèn tín hiệu giao thông đưa vào hoạt động. Thành phố đã áp dụng công nghệ cho hệ thống vé điện tử của mạng lưới vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố nhằm từng bước hình thành một hệ thống vé điện tử duy nhất liên thông trong toàn mạng. Song song với sự hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản, Thành phố đã chỉ đạo giao liên danh Tổng công ty vận tải Hà Nội – Viettel triển khai dự án hệ thống vé điện tử thí điểm cho tuyến xe buýt BRT và nhân rộng ra toàn bộ mạng tuyến buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố.

11. Về quản lý dân cư (Điều 19)

Thực hiện Nghị quyết số 11/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về quy định diện tích bình quân đối với nhà cho thuê ở nội thành để công dân được đăng ký thường trú ở nội thành thành phố Hà Nội (quy định chi tiết Điểm b, Khoản 4, Điều 19 Luật Thủ đô), theo đó: Diện tích ở bình quân đối với nhà thuê ở nội thành thành phố Hà Nội để công dân được đăng ký thường trú đến hết năm 2015 tối thiểu là 15m² sàn/đầu người, quy định này được kéo dài đến năm 2020. Việc áp dụng quy hoạch chung về quản lý dân cư và triển khai Nghị quyết của HĐND Thành phố đã phần nào giảm áp lực về dân số, bước đầu hạn chế tình trạng di dân tự phát trong khu vực nội thành Hà Nội. Từ 01/7/2013 đến hết 31/7/2017, toàn Thành phố đã giải quyết tổng số 3.978 trường hợp hồ sơ đăng ký thường trú vào nhà ở hợp pháp và đã tạm trú liên tục trên địa bàn Thành phố đủ 3 năm theo Điểm b Khoản 4 Điều 19 Luật Thủ đô. Công an Thành phố đã tổ chức thực hiện một số biện pháp quản lý trực tiếp như lập sổ theo dõi tạm trú và điều chỉnh biến động thường xuyên²³.

Thành phố đã tiến hành triển khai đồng bộ nhiều biện pháp trong công tác quản lý dân cư vừa đảm bảo đúng quy định của pháp luật cũng như đảm bảo quyền tự do cư trú của công dân. Đã tổ chức triển khai áp dụng và bước đầu thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, quản lý cư trú như: triển khai quản lý dữ liệu dân cư trên hệ thống máy tính theo Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân của Chính phủ; tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú qua máy tính, thực hiện tiếp nhận thông báo lưu trú trực tuyến. Hiện thành phố đang nghiên cứu để thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú cho công dân qua mạng internet; triển khai áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhân khẩu, công tác thông báo lưu trú, khai báo tạm trú, lập sổ theo dõi tạm trú và điều chỉnh biến động thường

²³ Đến nay trên toàn Thành phố 80% số lao động ngoại tỉnh đã có hồ sơ quản lý, đồng thời triển khai áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhân khẩu, công tác thông báo lưu trú, khai báo tạm trú. Công an Thành phố thường xuyên thu thập, cập nhập phiếu thông tin dân cư DC01 vào hệ cơ sở dữ liệu dùng chung. Từ năm 2013 đến hết 2017, đã đăng ký cư trú tổng số 466.049 trường hợp, thu lệ phí 3.964.872.000 đồng. Đến tháng 9/2017, Thành phố có 1.913.975 hộ với 6.984.407 nhân khẩu thường trú. Từ 01/7/2013 đến hết 01/4/2018, toàn Thành phố đã giải quyết: đăng ký thường trú 4.795 trường hợp = 7821 nhân khẩu; đăng ký tạm trú đối với 140.406 trường hợp = 225.265 nhân khẩu; tiếp nhận 20.220.359 lượt khách thông báo lưu trú; 4.658 lượt khai báo tạm vắng.

xuyên. Đến nay trên toàn Thành phố 80% số lao động ngoại tỉnh đã có hồ sơ quản lý, đồng thời triển khai áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhân khẩu, công tác thông báo lưu trú, khai báo tạm trú. Công an Thành phố thường xuyên thu thập, cập nhập phiếu thông tin dân cư DC01 vào hệ cơ sở dữ liệu dùng chung. Từ năm 2013 đến hết 2017, đã đăng ký cư trú tổng số 466.049 trường hợp, thu lệ phí 3.964.872.000 đồng. Đến tháng 9/2017, Thành phố có 1.913.975 hộ với 6.984.407 nhân khẩu thường trú. Từ 01/7/2013 đến hết 01/4/2018, toàn Thành phố đã giải quyết: đăng ký thường trú 4.795 trường hợp = 7821 nhân khẩu; đăng ký tạm trú đối với 140.406 trường hợp = 225.265 nhân khẩu; tiếp nhận 20.220.359 lượt khách thông báo lưu trú; 4.658 lượt khai báo tạm vắng.

12. Về bảo vệ và bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô (Điều 20)

Trách nhiệm bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô. Thành phố đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo giữ vững, ổn định An ninh Quốc gia; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và Thủ đô; không để xảy ra khủng bố, phá hoại, biểu tình, gây rối an ninh trật tự, đình công, lãn công trái pháp luật kéo dài phức tạp, các hoạt động rải tờ rơi, truyền đơn có nội dung chính trị xấu; không để phát sinh “điểm nóng” về an ninh trật tự.

Thực hiện Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, Thanh tra Sở xây dựng và UBND 12 quận nội thành đã ban hành 3.826 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng với tổng số tiền xử phạt là 32.097.000.000 đồng (trong đó: 12 UBND quận nội thành ban hành 3.701 Quyết định, với số tiền 28.425.000.000 đồng, Thanh tra Sở Xây dựng ban hành 125 Quyết định với số tiền là 3.672.000.000 đồng)²⁴; lĩnh vực văn hoá, đã xử phạt tổng số tiền phạt đã nộp kho bạc nhà nước Hà Nội: 1.322.000.000 đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của HĐND Thành phố quy định mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, qua thanh tra, kiểm tra các cơ sở hoạt động kinh doanh vũ trường, quán bar sử dụng nhạc mạnh, karaoke, kinh doanh băng đĩa, biểu diễn

²⁴ Quận Ba Đình: 1.533 QĐXP tương đương tiền phạt: 1.873.750.000 đồng; Quận Hoàn Kiếm: 268 QĐXP tương đương 866.500.000 đồng; Quận Hai Bà Trưng: 0; Quận Đống Đa: 307 QĐXP tương đương 1.183.250.000 đồng; Quận Cầu Giấy: 451 QĐXP tương đương 8.076.750.000 đồng; Quận Hoàng Mai: 266 QĐXP tương đương 2.905.500.000 đồng; Quận Tây Hồ: 110 QĐXP tương đương 1.121.500.000 đồng; Quận Long Biên: 397 QĐXP tương đương 887.250.000 đồng; Quận Thanh Xuân: 152 QĐXP tương đương 3.402.000.000 đồng; Quận Nam Từ Liêm: 40 QĐXP tương đương 2.305.000.000 đồng; Quận Bắc Từ Liêm: 127 QĐXP tương đương 2.128.500.000 đồng; Quận Hà Đông: 50 QĐXP tương đương 3.675.000.000 đồng.

nghệ thuật trên địa bàn thành phố các cơ quan chức năng đã xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền phạt đã nộp Kho bạc nhà nước Hà Nội: 1.322.000.000đ (Một tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu đồng).

Việc quy định và áp dụng mức xử phạt cao hơn đối với cùng hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý văn hóa và xây dựng tại các quận nội thành có tác dụng răn đe, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước, góp phần làm giảm số vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực nêu trên.

13. Chính sách, cơ chế tài chính, ngân sách (Điều 21)

Chính sách, cơ chế về tài chính theo quy định Luật Thủ đô qua 05 năm thực hiện đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; tạo khuôn khổ pháp lý về cơ chế quản lý tài chính - ngân sách cho Thủ đô về ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn viện trợ, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương, mức huy động vốn đầu tư phát triển, thường vượt dự toán thu ngân sách và đầu tư trở lại. Do vậy, tăng nguồn lực cho địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng đã có bước phát triển tích cực, đồng thời đảm bảo quản lý ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả. Kết quả, cụ thể như sau:

Với mục đích huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố, đến nay Thành phố đã huy động 11.400 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành trái phiếu xây dựng Thủ đô. Nguồn vốn huy động được sử dụng để bổ sung nguồn chi cho đầu tư phát triển cụ thể là các công trình trọng điểm của Thành phố. Bên cạnh đó, để đảm bảo đẩy nhanh các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, Thành phố đã vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam 500 tỷ đồng để thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình nông thôn mới tại các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố.

Về thực hiện chính sách thưởng và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương, trong giai đoạn 2014-2015, Trung ương đã thực hiện thưởng và đầu tư trở lại từ nguồn tăng thu của ngân sách trung ương cho Thành phố là 2.295 tỷ đồng (năm 2014 là 1.996,8 tỷ đồng, năm 2015 là 297,9 tỷ đồng).

Thực hiện quy định Khoản 3 Điều 21 Luật Thủ đô, trong các năm từ 2014 đến nay, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ ngân sách Thành phố gần 1.115 tỷ đồng để thực hiện một số chương trình, dự án đầu tư lớn trên địa bàn Thành phố.²⁵ Các

²⁵ Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu - giai đoạn 1; Dự án nâng cấp tuyến kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh T1 huyện Đan Phượng; Dự án nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội, đoạn K2+30 đến K8+800 đê Vân Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng; Dự án xử lý tổng thể khu vực kè Thanh Am và sạt lở cầu Đuống....

dự án này đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực thủy lợi, đê kè chống sạt lở bờ sông Hồng, sông Đuống, giúp bảo vệ an toàn đê điều, tính mạng, tài sản của nhân dân...

14. Phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh (Khoản 2 Điều 19; Khoản 1 Điều 20)

Vùng Thủ đô Hà Nội là khu vực liên kết phát triển kinh tế - xã hội gồm thành phố Hà Nội và 09 tỉnh xung quanh. Ngày 05/5/2008, Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 490/QĐ-TTg phê chuẩn Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó xác định đến năm 2050, Vùng Thủ đô Hà Nội sẽ là vùng kinh tế tổng hợp lớn của quốc gia và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Là khu vực phát triển năng động, có chất lượng đô thị cao, môi trường đầu tư thuận lợi, phát triển bền vững. Đồng thời là trung tâm chính trị, văn hoá - lịch sử, khoa học, giáo dục - đào tạo và du lịch lớn của cả nước.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển, công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn mới, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời quyết định điều chỉnh, bổ sung nhân sự Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội²⁶. Thực hiện Quy hoạch được phê duyệt, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô Hà Nội phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương qua đó góp phần tích cực vào sự phát triển chung của Vùng cũng như cả nước.

Căn cứ quy định của Luật Thủ đô; Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng hoàn thành việc phê duyệt các đồ án Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu và Quy hoạch ngành, lĩnh vực của từng địa phương. Thành phố Hà Nội với vai trò là đô thị hạt nhân đã hợp tác các địa phương trong Vùng thực hiện các công trình trọng điểm tại các địa bàn giáp ranh; mở các tuyến xe buýt đến các tỉnh phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Thực hiện hỗ trợ các tỉnh trong Vùng trong phòng, chống dịch bệnh; đào tạo, chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu và ứng dụng khoa học trong khám chữa bệnh; hợp tác trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực và tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm du lịch.... Các tỉnh trong Vùng Thủ đô đã chủ động trong bố trí quỹ đất giao cho các Bệnh viện tuyến trung ương triển khai đầu tư cơ sở 2; một số trường Đại học và có chính sách thu hút các trường đại học, cao đẳng di dời ra khỏi Hà Nội.

²⁶ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2501/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định số 320/QGG-TTg ngày 25/3/200 của Thủ tướng Chính phủ về nhân sự Ban chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội.

15. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô (Chương III)

Trên cơ sở quy định của Luật Thủ đô về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô, một số cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai nhiều hoạt động để thực hiện nhiệm vụ. Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội đã thực hiện việc giám sát thi hành Luật Thủ đô. Các Bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố, đảm bảo tính kịp thời trong ban hành văn bản. Hàng năm, HĐND Thành phố tổ chức hoạt động giám sát, xem xét báo cáo của UBND Thành phố về thực hiện Luật Thủ đô; UBND thành phố Hà Nội đã chủ động ban hành Kế hoạch và tổ chức đánh giá việc thi hành Luật Thủ đô, xây dựng báo cáo của Thành phố gửi Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Phụ lục số 05
DANH MỤC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2018 của UBND thành phố Hà Nội
về Tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô)

STT	Nội dung	Quy định hiện hành	Đề xuất, kiến nghị	Lý do
I	Lĩnh vực tài chính - ngân sách nhà nước			
1	<i>Về quản lý, sử dụng quỹ đất và số tiền sử dụng đất sau khi bán tài sản gắn liền với đất khi di dời các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Trung ương quản lý ra khỏi khu vực nội thành:</i>	Điểm k Khoản 1 Điều 35 Luật Ngân sách năm 2015 quy định các khoản thu ngân sách trung ương được hưởng 100% trong đó có khoản thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý.	Sửa đổi quy định tại Điều 35 Luật Ngân sách năm 2015 “Thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất sau khi bán tài sản, trong trường hợp Thành phố phải bố trí quỹ đất, hạ tầng ở địa điểm mới cho đơn vị di dời đến địa điểm khác trên địa bàn Thành phố”.	Do Thành phố phải bố trí quỹ đất, đầu tư cơ sở hạ tầng phải sử dụng ngân sách để đầu tư xây dựng.
2	<i>Về cơ chế sử dụng nguồn cải cách tiền lương thành phố Hà Nội được chủ động quyết định:</i>	Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ (về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII	- Thành phố Hà Nội được chủ động quyết định, sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư của ngân sách địa phương (sau khi đã đảm bảo các chế độ về tiền lương theo quy định) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương và chi thu nhập	- Trong thời gian qua, thành phố Hà Nội là địa phương không những luôn tự đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội theo quy định, mà còn dư nguồn khá lớn.

		về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp): Các địa phương phải giành 50% tăng thu ngân sách năm sau so với năm trước, hoặc tăng thu so với dự toán để tạo nguồn cải cách tiền lương, không sử dụng cho nội dung khác. (Nghị định 47/2017/NĐ-CP, Thông tư số 67/2017/TT-BTC).	tăng thêm cho cán bộ, công chức của Thành phố. - Thành phố được quyết định mức trả thu nhập cho cán bộ, công chức và người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước theo khả năng ngân sách và tương xứng với năng suất lao động của công chức và người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước của Thành phố; và được quyết định mức hỗ trợ thu nhập cho cán bộ, công chức của Thành phố ngoài các khoản lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật, trong phạm vi nguồn ngân sách Thành phố.	- Quy mô về địa giới hành chính, dân cư; tính chất quản lý đô thị của Thủ đô phức tạp (đảm bảo an ninh – trật tự, an toàn xã hội...).
3	Về cơ chế sử dụng Quỹ dự trữ tài chính của Thành phố:	- Điều 11, Khoản 2 Điều 59, Khoản 1 Điều 72 Luật ngân sách nhà nước.	UBND thành phố Hà Nội được phép sử dụng hoặc tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính để đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương nhưng chưa được bố trí trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn hoặc đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng cần bổ sung để	Tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện dự án trọng điểm, cấp bách, các dự án chống ùn tắc giao thông,... góp phần rút ngắn thời gian thực hiện các dự án, giảm chi phí đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách.

			đẩy nhanh tiến độ thực hiện; mức sử dụng tối đa không vượt quá tỷ lệ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 11 Luật ngân sách nhà nước. Trường hợp tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính: thời gian tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng.”	
4	<i>Về chỉ tiêu giao dự toán.</i>	Theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội quyết định và giao dự toán cho địa phương gồm tổng chi ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, dự phòng, dự trữ; trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có chi tiết chi cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ. Như vậy, khi Quốc hội quyết định dự toán mức chi cho các lĩnh vực nêu trên cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì HĐND thành phố Hà Nội không được	Dự toán Trung ương giao cho Thành phố Hà Nội chi giao chỉ tiêu tổng chi đầu tư và chi thường xuyên, không giao chi tiết cho các lĩnh vực (giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ...).	Đề xuất của Thành phố nhằm đảm bảo định hướng cơ cấu lại ngân sách và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với thực tế phát triển của Thủ đô.

		quyết định mức chi của các lĩnh vực này thấp hơn. Theo đó, hàng năm Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi ngân sách cho Thành phố chi tiết đến từng lĩnh vực (chi đầu tư, chi thường xuyên, dự phòng, chi trả lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính...) đối với chi đầu tư và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho giáo dục, đào tạo - dạy nghề; khoa học và công nghệ.		
5	<i>Về việc ổn định tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội</i>	Khoản 8 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước: “Sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương phải tăng khả năng tự cân đối, phát triển ngân sách địa phương, thực hiện giảm dần tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên so với tổng chi ngân sách địa phương hoặc tăng tỷ lệ phân	Giữ ổn định tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội là 45% cho giai đoạn 2020-2025.	Để đảm bảo nguồn lực cho xây dựng và phát triển Thủ đô theo định hướng của Bộ Chính trị, thực hiện các kế hoạch, mục tiêu phát triển lâu dài của Trung ương và Thành phố, phát huy vai trò đầu tàu, trung tâm phát triển của Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước, do vậy

		trăm (%) nộp về ngân sách cấp trên đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách để tăng nguồn lực cho ngân sách cấp trên thực hiện các nhiệm vụ chi quốc gia và phát triển đồng đều giữa các địa phương”.		cần có cơ chế giữ ổn định tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia giữa ngân sách TW và ngân sách thành phố Hà Nội.
6	<i>Về phương thức và hạn mức vay tối đa của ngân sách thành phố Hà Nội</i>	Luật Ngân sách nhà nước quy định mức dư nợ vay của thành phố Hà Nội không quá 60% thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính đối với thành phố Hà Nội, theo đó quy định mức dư nợ vay của thành phố Hà Nội không quá 70% thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp.	Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định nhưng đảm bảo mức bội chi hằng năm của Thành phố luôn ở mức cao nhất so với các tỉnh, thành phố khác.	Đề xuất nêu trên của Thành phố nhằm tạo điều kiện cho Thành phố huy động được nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án, công trình quan trọng phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, mang lại hiệu quả đầu tư cao hơn, phù hợp với bối cảnh thực hiện đầy mạnh cơ chế cho chính quyền địa phương vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước thay vì cấp phát như hiện nay.
7	<i>Về việc quyết định</i>	Chưa có quy định	Đề nghị Trung ương cho phép thành	Đề hạn chế sự phát triển

	<i>một số khoản thu đặc thù phù hợp với đặc điểm của Thành phố</i>		phố Hà Nội được nghiên cứu chủ trương; HĐND Thành phố quy định một số khoản thu gắn trực tiếp với việc sử dụng các dịch vụ và đặc thù của một đô thị lớn mà hiện nay chưa được quy định (thu phí các phương tiện giao thông đi vào thành phố, khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu về dân cư của Thành phố,...). Nguồn thu này không phải điều tiết về trung ương và không tính vào cân đối ngân sách để tính tỷ lệ điều tiết ngân sách giữa Trung ương và Thành phố.	phương tiện cá nhân góp phần quản lý, đảm bảo trật tự đô thị, giảm thiểu ùn tắc giao thông; có thêm nguồn lực cho đầu tư các công trình xử lý môi trường và phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.
8	<i>Về cơ chế ứng vốn để thực hiện một số dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trên địa bàn Thành phố thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương</i>	Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các công trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương sẽ do ngân sách Trung ương bố trí để triển khai thực hiện.	Đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trên địa bàn Thành phố, cho phép Thành phố sử dụng ngân sách của mình, các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của Thành phố, vay trong phạm vi hạn mức theo quy định hoặc huy động theo phương thức đối tác công tư (PPP) để sớm hoàn	Trên địa bàn Thành phố hiện có rất nhiều dự án lớn được thực hiện từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thuộc các lĩnh vực giao thông, môi trường,..., việc sớm hoàn thành các dự án đưa vào sử dụng sẽ góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thành phố.

			thành dự án. Ngân sách trung ương có trách nhiệm hoàn trả cho Thành phố phần dự toán chi thuộc trách nhiệm của ngân sách trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không bao gồm phần lãi vay trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo.	
9	<i>Về cơ chế quản lý các doanh nghiệp sau khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước do thành phố Hà Nội quản lý</i>	Theo quy định tại Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) được tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các loại hình doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ.	Chính phủ, Bộ Tài chính giao thành phố Hà Nội tiếp tục làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp sau sắp xếp, cổ phần hóa và cho phép thành phố Hà Nội được quản lý, sử dụng toàn bộ số tiền thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước giai đoạn từ năm 2016 trở về trước để bổ sung nguồn vốn thực hiện các dự án trọng điểm của Thành phố cũng như những chương trình, nhiệm vụ khác để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội; đồng thời cho phép UBND Thành phố được nghiên cứu mô hình giao một đơn vị trực thuộc UBND Thành phố để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc Thành phố, chủ động chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện một số	Nhằm nâng cao hiệu quả đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước của thành phố Hà Nội theo chủ trương của Đảng và Chính phủ; giải quyết có hiệu quả các bất cập trong công tác quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố và thực hiện quản lý có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của nhà nước và doanh nghiệp, thành phố Hà Nội đề xuất.

			nhiệm vụ chính trị được giao.	
II	Lĩnh vực quy hoạch đô thị, xây dựng			
1	<i>Về phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch ngành, quy hoạch ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô.</i>	Khoản 4Điều 8 Luật Thủ đô <i>Về phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch ngành, quy hoạch ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô phải được lấy ý kiến của UBND thành phố Hà Nội và đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô.</i>	Sửa đổi Khoản 4Điều 8 Luật Thủ đô như sau: Quy hoạch ngành, quy hoạch ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô phải được lấy ý kiến thống nhất của UBND Thành phố Hà Nội và đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô.	Để đảm bảo việc điều chỉnh quy hoạch ngành, quy hoạch ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô không ảnh hưởng đến quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đã được phê duyệt.
2	<i>Cho phép Thành phố Hà Nội được xã hội hóa trong công tác lập quy hoạch</i>	Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 quy định: Khoản 1 Điều 12: Kinh phí từ ngân sách nhà nước được sử dụng để lập và tổ chức thực hiện quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các quy hoạch chi tiết không thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh. - Khoản 2 Điều 12: Nhà nước khuyến khích tổ chức,	Cho phép Thành phố Hà Nội được huy động thêm từ nguồn xã hội hóa trong công tác lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu.	Nhằm đẩy nhanh công tác lập quy hoạch và tiết kiệm ngân sách, huy động nhiều nguồn lực xã hội tham gia và khuyến khích được các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu lập quy hoạch và cống hiến các sản phẩm quy hoạch đa dạng để Thành phố lựa chọn nhưng vẫn đảm bảo phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 12Luật Quy hoạch đô thị ngày

		cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ kinh phí để lập quy hoạch đô thị.		17/6/2009.
3	<i>Về chi phí nghiên cứu lập quy hoạch một số đồ án đặc thù</i>	Thông tư 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 quy định mức chi phí thuê tổ chức tư vấn liên danh trong nước và nước ngoài không vượt quá 2,5 lần mức chi phí tính trong nước; mức chi phí thuê tổ chức tư vấn nước ngoài không vượt quá 3,5 lần mức chi trong nước.	Cho phép Thành phố chủ động phê duyệt dự toán nghiên cứu lập quy hoạch đối với các đồ án quy hoạch đặc thù có yếu tố tư vấn nước ngoài sau khi có kết quả thẩm tra của Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng; việc thanh quyết toán sẽ được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn lập quy hoạch.	Thực tế, các khoản chi phí quản lý, chi phí khác và mức chi phí do tư vấn đề xuất đều vượt định mức quy định; Trước khi phê duyệt tổng dự toán chi phí lập quy hoạch, Thành phố đều phải báo cáo Bộ Xây dựng xem xét và có ý kiến cụ thể về giá trị dự toán đề xuất. Để giảm bớt thủ tục hành chính và đầu mối giải quyết, nâng cao trách nhiệm của chính quyền đô thị và trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết công việc.
4	<i>Về phát triển nhà ở xã hội</i>	Điều 5 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định dự án nhà ở không	- Cho phép Thành phố tự quyết định hình thức chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại là nhà ở thấp tầng, khu đô thị sinh thái có quy mô	- Do tính đặc thù (Luật Thủ đô quy định thành phố Hà Nội phải dành diện tích phát triển nhà ở xã hội cao hơn so với cả

		phân biệt quy mô phải dành 20% diện tích đất ở để phát triển nhà ở xã hội; trường hợp quy mô < 10ha có thể lựa chọn phương thức nộp bằng tiền tương đương quỹ đất 20%.	>10ha nộp tiền tương đương quỹ đất 20% phát triển nhà ở xã hội và Thành phố cân đối quỹ đất tại các dự án khu nhà ở xã hội tập trung, khu nhà ở công nhân, sinh viên (trên nguyên tắc đảm bảo cân bằng tỷ lệ tổng thể 20% nhà ở xã hội so nhà ở thương mại - Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý về nguyên tắc tại Thông báo số 508/TB-VPCP ngày 31/10/2017). - Cho phép Thành phố chủ động áp dụng các hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật đối với dự án xây dựng nhà ở xã hội (kể cả khu nhà ở xã hội tập trung).	nước), HĐND Thành phố quy định các dự án có quy mô >10ha phải dành 25% diện tích đất ở hoặc 25% diện tích nhà ở để phát triển nhà ở xã hội. Thực tế triển khai có một số tồn tại như sau: + Quy định bố trí quỹ đất 25% để phát triển nhà ở xã hội tại một số khu đô thị, khu nhà ở cao cấp có quy mô >10ha khó tương thích về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, mặt bằng giá dịch vụ,... + Có trường hợp không phù hợp với thực tiễn về kế hoạch phát triển nhà ở xã hội tập trung của Thành phố (như các dự án phát triển đô thị cạnh các khu nhà ở xã hội tập trung quy mô lớn). - Để tạo điều kiện cho Thành phố chủ động quyết định tính khả thi khi xây dựng nhà ở tại
--	--	--	--	--

				các dự án khu đô thị và phát triển nhà ở, phù hợp nhu cầu từng khu vực, thời điểm khác nhau. - Thực hiện chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền đô thị.
5	<i>Về cơ chế triển khai thực hiện các dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ</i>	Theo quy định tại Nghị định 101/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ, chỉ có nhà nguy hiểm Nhà nước mới ban hành quyết định thu hồi đất, thực hiện cưỡng chế thu hồi đất; các trường hợp còn lại Nhà nước không thực hiện thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ phải thực hiện thông qua thỏa thuận giữa chủ đầu tư và chủ sở hữu nhà ở chung cư	Thành phố ban hành quyết định thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi nhà đất theo quy định của Nghị định 11/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định cụ thể các hoạt động liên quan đến việc đầu tư phát triển đô thị; Luật Đất đai 2013 và các Nghị định 43/2014/NĐ-CP trong việc thu hồi các căn hộ đối với từng hộ gia đình, cá nhân. Việc tổ chức thực hiện GPMB theo chính sách chung do Thành phố ban hành (trong đó quy định cụ thể về hệ số bố trí tái định cư tại chỗ), mà không phải lấy 100% ý kiến	Nghị định 11/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định cụ thể các hoạt động liên quan đến việc đầu tư phát triển đô thị thì các trường hợp cải tạo, xây dựng chỉnh trang đô thị thuộc nhóm Nhà nước thu hồi đất. Thực tế khi triển khai công tác điều tra, lập quy hoạch 18 khu chung cư cũ trên địa bàn Thành phố, không đủ số hộ dân đồng ý; trường hợp đồng ý thì đòi hỏi bố trí tái định cư với hệ số cao hoặc đồ bồi thường với giá cao hơn thị

			đồng thuận phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ dân tại khu chung cư cũ theo quy định tại Nghị định 101/2015/NĐ-CP. Kinh phí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng do chủ đầu tư bố trí.	trường dẫn đến nhà đầu tư không thể cân đối được tài chính, nên không triển khai được.
III	Lĩnh vực đất đai, môi trường			
1	<i>Lĩnh vực khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm</i>	Theo quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Các doanh nghiệp có dự án đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp về đất đai, tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường, đầu tư cơ sở...	Một số nội dung vượt khung so với Nghị định số 57/2018/NĐ-CP: + Hỗ trợ đầu tư: hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư và không quá 30 tỷ đồng/DA để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua dây truyền, thiết bị hàng rào dự án (theo Nghị định quy định không quá 15 tỷ/DA). + Hỗ trợ ngoài hàng rào: được hỗ trợ bổ sung 70% chi phí và không quá 20 tỷ đồng đầu tư xây dựng ngoài hàng rào nếu bên ngoài DA chưa có đường giao thông đạt chuẩn cấp V miền núi, chưa có điện	Hà Nội có số lượng điểm giết mổ gia súc, gia cầm lớn (theo thống kê năm 2018 có khoảng 988 cơ sở, điểm giết mổ gia súc, gia cầm) trong đó giết mổ công nghiệp có 07 cơ sở nhưng hiện tại chỉ có 4/7 cơ sở hoạt động, sản lượng giết mổ chỉ đạt 40-50% so với công suất thiết kế. Do hạn chế máy móc, công nghệ lạc hậu... các nhà máy giết mổ đầu tư dây truyền công nghệ đòi hỏi chi phí lớn, do vậy nhằm khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ gia súc, gia

			và cấp thoát nước (Theo Nghị định quy định không quá 5 tỷ đồng). Tổng 3 khoản hỗ trợ trên được thực hiện theo dự án đầu tư và tối đa không quá 15% tổng mức đầu tư dự án và không quá 05 tỷ đồng (theo Nghị định quy định: không quá 10% tổng mức đầu tư DA và không quá 01 tỷ đồng)	cầm trên địa bàn Thành phố đảm bảo phù hợp với định hướng, mục tiêu của Thành phố giảm 50% số lượng cơ sở giết mổ đến năm 2020, gắn việc giết mổ với chế biến, tạo ra nguồn thực phẩm an toàn cung cấp cho người dân.
IV	Lĩnh vực tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức			
1	<i>Cơ chế đặc thù khuyến khích đối tượng tự nguyện nghỉ tinh giản biên chế để cơ cấu lại đội ngũ, căn cứ vào khả năng tự chủ của ngân sách địa phương</i>		<i>Cho phép Hà Nội quyết định cơ chế đặc thù khuyến khích đối tượng tự nguyện nghỉ tinh giản biên chế để cơ cấu lại đội ngũ, căn cứ vào khả năng tự chủ của ngân sách địa phương.</i>	Các trường hợp tinh giản biên chế theo khoản 1 điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ có nhiều tiêu chí chặt chẽ, trong khi tiêu chí theo đề án vị trí việc làm lại đang trong quá trình xây dựng, chưa khuyến khích đối tượng tự nguyện nghỉ tinh giản biên chế... dẫn đến chưa thể sớm thay thế, nâng cao đội ngũ cán bộ, tỷ lệ nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP chưa cao.

				Cần thiết cho phép Hà Nội thực hiện cơ chế đặc thù để đẩy mạnh tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
2	Về cơ chế ủy quyền và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý		- Chủ tịch UBND Thành phố được ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND Thành phố. - HĐND Thành phố được quyền quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc ngoài việc thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập,	Nội dung này đã được Quốc hội phân cấp cho Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị quyết số: 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017.

			với mức không quá 1,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ. Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.	
--	--	--	--	--

Phụ lục số 06
DANH MỤC ĐỀ NGHỊ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN GIỮA TRUNG ƯƠNG VÀ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2018 của UBND thành phố Hà Nội
về Tổng kết 05 năm thi hành Luật Thủ đô)

STT	Nội dung phân cấp, ủy quyền	Lý do	Quy định hiện hành	Cơ quan phân cấp, ủy quyền
I	Lĩnh vực Kế hoạch - Đầu tư			
1	<i>Phân cấp Quyết định chủ trương xây dựng đầu tư dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.</i>	- Việc phân cấp cho HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án nêu trên sẽ giúp Thành phố chủ động trong quyết định đầu tư, chủ động bố trí, cân đối ngân sách thành phố, bảo đảm nhanh chóng, kịp thời thu hút đầu tư, nhất là các dự án về hạ tầng đô thị. - Nhân lực của Thủ đô có đủ trình độ, kinh nghiệm trong việc xây dựng, thẩm định và triển khai thực hiện dự án nhóm A trên địa bàn. Giảm bớt một khâu trong trình tự thủ tục phê duyệt dự án, rút ngắn thời gian triển khai dự án. Tăng hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.	Điều 17 của Luật Đầu tư công quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A.	Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho HĐND thành phố quyết định chủ trương xây dựng đầu tư dự án nhóm A sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (trừ dự án tại địa bàn có di tích quốc gia đặc biệt, tại địa bàn đặc biệt quan trọng đối với quốc gia về quốc phòng, an ninh; dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ quốc phòng, an ninh có tính chất bảo mật quốc gia; dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ theo quy định của Luật Đầu tư công).
2	<i>Phân cấp Quyết định</i>	- Thành phố có nguồn nhân lực đủ điều kiện năng lực trong việc thực	Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu	Thủ tướng Chính phủ phân

	<i>chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5000 tỷ đồng trở lên quy tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i>	hiện việc thẩm định, đánh giá và quyết định chủ trương đầu tư dự án. - Thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án nêu trên sẽ giúp Thành phố chủ động trong thu hút đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.	tur; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	cấp cho Thành phố Hà Nội quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
3	<i>Ủy quyền phê duyệt điều chỉnh các dự án ODA (thuộc nhóm dự án trọng điểm quốc gia) đang triển khai tại Hà Nội sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tăng hạn mức vốn vay ODA cho dự án</i>	- Thành phố có nguồn nhân lực đủ điều kiện năng lực trong việc thực hiện việc thẩm định, đánh giá và quyết định chủ trương đầu tư dự án. - Việc giao UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh các dự án đầu tư nêu trên sẽ giúp Thành phố chủ động trong quyết định đầu tư.	Điều 17 của Luật Đầu tư công;	Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh các dự án ODA (thuộc nhóm dự án trọng điểm quốc gia) đang triển khai tại Hà Nội sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tăng hạn mức vốn vay ODA cho dự án.
II	Lĩnh vực quy hoạch đô thị, xây dựng			
1	<i>Ủy quyền phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch cấp nước, thoát</i>	- Thành phố có nguồn nhân lực đủ điều kiện năng lực trong việc thực hiện việc thẩm định, đánh giá việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chuyên ngành	Khoản 1 Điều 44, Luật Quy hoạch đô thị 2009; Khoản 4 Điều 8 Luật Thủ đô	- Sửa khoản 4 Luật Thủ đô: Quy hoạch ngành, quy hoạch ngành hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia liên quan trực tiếp đến Thủ đô phải được lấy ý

	<i>nước, xử lý rác thải, nghĩa trang...) sau khi lấy ý kiến thống nhất của các Bộ quản lý chuyên ngành</i>	- Khoản 6, Mục 3.2, Phần III trong Quy định quản lý kèm theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô: Đối với điều chỉnh cục bộ một số nội dung trong quy hoạch chung, UBND Thành phố có trách nhiệm tổ chức lập và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ trên nguyên tắc không làm thay đổi các nội dung cơ bản của quy hoạch chung và có sự thỏa thuận của Bộ Xây dựng.		kiến thống nhất của UBND Thành phố Hà Nội và đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô. - Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Thành phố Hà Nội phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải, nghĩa trang...) sau khi lấy ý kiến thống nhất của các Bộ quản lý chuyên ngành.
2	<i>Phân cấp Quyết định điều chỉnh dự án xây dựng nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội và nhà ở phục vụ tái định cư; Điều chỉnh cơ cấu diện tích sàn xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở xã hội đối với các dự án xây dựng nhà ở trên 500 căn</i>	Để tạo điều kiện cho Thành phố chủ động quyết định tính khả thi khi xây dựng nhà ở tại các dự án khu đô thị và phát triển nhà ở, phù hợp nhu cầu từng khu vực, thời điểm khác nhau. - Thực hiện chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm của chính quyền đô thị; - Đội ngũ cán bộ, công chức các sở ngành chuyên môn Thành phố có nhiều kinh nghiệm trong công tác thẩm định các dự án nêu trên.	Điểm c Khoản 1 Điều 84 Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền điều chỉnh thuộc Bộ Xây dựng.	Bộ Xây dựng phân cấp cho UBND Thành phố quyết định điều chỉnh dự án xây dựng nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư; Điều chỉnh cơ cấu diện tích sàn xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở xã hội đối với các dự án xây dựng nhà ở trên 500 căn
3	<i>Phân cấp thẩm định,</i>	- Để tạo điều kiện cho Thành phố	Điểm a,b Khoản 4 Điều 9	Chính phủ phân cấp cho

	<i>chấp thuận chủ trương dự án nhà ở trên 2.500 căn</i>	chủ động quyết định tính khả thi khi xây dựng nhà ở tại các dự án khu đô thị và phát triển nhà ở, phù hợp nhu cầu từng khu vực, thời điểm khác nhau. - Đội ngũ cán bộ, công chức các sở ngành chuyên môn Thành phố có nhiều kinh nghiệm trong công tác thẩm định các dự án nêu trên. - Thực hiện chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm của chính quyền Thành phố.	Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc chấp thuận chủ trương dự án nhà ở trên 2.500 căn phải trình Bộ Xây dựng thẩm định, báo cáo Chính phủ chấp thuận chủ trương.	UBND Thành phố tổ chức thẩm định, chấp thuận chủ trương dự án nhà ở quy mô trên 2.500 căn.
4	<i>Phân cấp cấp phép xây dựng với các công trình do Thành phố quyết định chủ trương đầu tư</i>	- Đề tạo điều kiện cho Thành phố chủ động trong việc theo dõi, quản lý toàn diện tất cả các công trình do Thành phố quyết định chủ trương đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, cấp phép xây dựng, quản lý công trình sau cấp phép trên địa bàn; đảm bảo thực hiện đúng chủ trương chung của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính. - Thực hiện chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính;	- Khoản 1 Điều 103 Luật Xây dựng 2014 quy định Bộ Xây dựng cấp phép xây dựng công trình cấp đặc biệt.	Bộ Xây dựng phân cấp cho Thành phố cấp phép xây dựng tất cả các công trình do Thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

		nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền đô thị; - Đội ngũ cán bộ, công chức các sở ngành chuyên môn Thành phố có nhiều kinh nghiệm trong công tác thẩm định các dự án nêu trên.		
5	<i>Phân cấp tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình cấp I trở xuống có sử dụng vốn đầu tư công, do UBND thành phố quyết định đầu tư; nghiệm thu công trình đã được Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế.</i>	- Trình độ năng lực chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. - Tạo sự chủ động, tăng cường trách nhiệm quản lý của địa phương đối với các công trình xây dựng trên địa bàn.	Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ công tác nghiệm thu đối với công trình cấp I trở xuống có sử dụng vốn đầu tư công, do UBND thành phố quyết định đầu tư; các công trình do Sở xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.	Bộ Xây dựng phân cấp cho thành phố tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình cấp I trở xuống có sử dụng vốn đầu tư công, do UBND thành phố quyết định đầu tư; nghiệm thu công trình đã được Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế.
III	Lĩnh vực đất đai, môi trường			
1	<i>Phân cấp thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</i>	- Trình độ năng lực chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. - Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự	Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh	Bộ Tài nguyên và Môi trường phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối

		án, giảm thủ tục hành chính.	giá tác động môi trường đối với các dự án: (i) Dự án có sử dụng từ 1 ha đất trở lên của khu di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; (ii) Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, trung tâm mua sắm có sử dụng đất rừng phòng hộ hoặc rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên, đất rừng tự nhiên từ 100 ha trở lên hoặc có sử dụng từ 10 ha đất trồng lúa trở lên	với các dự án nêu trên.
2	<i>Phân cấp quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được Chính phủ phê</i>	- Trình độ năng lực chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. - Giảm thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án có sử dụng đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất	Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ, thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên thuộc Thủ tướng Chính phủ;	Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho HĐND Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được Chính phủ phê duyệt.

	<i>duyet.</i>			
IV	Lĩnh vực nông nghiệp			
1	<i>Ủy quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình ngoài bãi sông sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	- Trình độ năng lực chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. - Giảm thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án có sử dụng đất bãi sông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô.	Khoản 3 Điều 26 Luật Đô thị năm 2006 quy định được xây dựng công trình theo dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy định tại khoản 4 Điều này; Khoản 4 Điều 26 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo lập dự án đầu tư xây dựng các công trình quy định tại khoản 3 Điều này trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch UBND thành phố quyết định phê duyệt dự án đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 26 Luật Đô thị sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	<i>Phân cấp Quản lý rừng và đất lâm nghiệp</i>	- Việc quản lý rừng và đất lâm nghiệp có nhiều đầu mối (các tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tổ chức của Thành phố Hà Nội) do đó có sự	- Luật Bảo vệ phát triển rừng và Luật Lâm nghiệp (có hiệu lực từ 01/01/2019); - Điều 58 Luật Đất đai	- Chính phủ phân cấp cho UBND Thành phố quyết định việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, phòng hộ có quy mô trên 20ha sang mục đích khác theo quy

		chồng chéo trong quản lý nhà nước; -Thành phố không chủ động trong giám sát việc chấp hành pháp luật quản lý đất rừng của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp – phát triển nông thôn do đó công tác quản lý, bảo vệ rừng kém hiệu quả, để tình trạng chuyển nhượng, chuyển mục đích tùy tiện, gây bức xúc trong dư luận, như việc xây dựng công trình tại Vườn Quốc gia Ba Vì, rừng Sóc Sơn.	2013 quy định việc chuyển đổi đất rừng sang đất khác quy mô trên 20ha rừng phòng hộ, đặc dụng phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; - Chính phủ phân cấp cho Thành phố thống nhất quản lý đất lâm nghiệp thuộc địa giới hành chính Thủ đô.
V	Lĩnh vực Công thương			
1	<i>Phân cấp cấp phép hoạt động bán lẻ điện để cấp điện áp 35 kv.</i>	Để phù hợp tình hình phát triển kinh tế- xã hội và thực tế hiện nay trên địa bàn Thành phố có rất nhiều khu, cụm công nghiệp, công trình nhà ở, trung tâm thương mại, chợ có đầu tư, sử dụng các trạm biến áp có cấp điện đến 35KV; nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia đầu tư phát triển lưới điện và hoạt động phân phối, kinh doanh	Theo Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 12/2017/TT-BCT của Bộ Công thương , Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp hoặc ủy quyền cho Sở Công Thương cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương; và Hoạt động	Bộ Công thương giao Thành phố cấp phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 35kv trên địa bàn Thành phố

		điện trên địa bàn Thành phố	bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương.	
VI	Lĩnh vực văn hóa xã hội			
1	<i>Phân cấp phê duyệt chủ trương trong quy định trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế tu bổ di tích theo quy định của Luật Xây dựng và Luật đầu tư công</i>	- Cho tới nay, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công đã có hiệu lực, nên các quy định về quy hoạch, đầu tư dự án bảo quản, tu bổ di tích theo Nghị định 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 không còn phù hợp. - Để tránh chồng chéo trong công tác quản lý, cải cách thủ tục hành chính và giảm bớt thời gian trong việc lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.	- Việc quản lý di sản văn hóa hiện thực hiện theo quy định ban hành kèm theo Nghị định 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh; việc lập quy hoạch di tích phải có quy hoạch khu du lịch, quy hoạch rừng, quy hoạch xây dựng... và phải có ý kiến thẩm định của các bộ ngành liên quan; - Khoản 2 Điều 12 Nghị định 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ (về thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương, nhiệm vụ quy hoạch di tích và quy hoạch di tích), đối với di tích quốc gia đặc biệt và di tích quốc gia có quy mô đầu tư lớn, Chủ tịch Ủy	- Cho phép Thành phố Hà Nội được phê duyệt chủ trương trong quy định trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế tu bổ di tích theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công; - Cho phép Thành phố Hà Nội chỉ lập 01 (một) quy hoạch di tích, trong đó lồng ghép nội dung giữa bảo vệ di tích với bảo vệ tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản, tài nguyên địa chất, địa mạo khi lập hồ sơ quy hoạch di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di tích quốc gia đặc biệt đồng thời có khu vực bảo vệ là một phần hoặc toàn bộ diện tích của khu du lịch quốc gia, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên.

			ban nhân dân cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ theo bưu điện cho Thủ tướng Chính phủ và 01 bộ gửi Bộ Văn hóa và Thể thao.	
VII	Lao động, Thương binh và Xã hội			
1	<i>Phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động</i>	Quy định này nhằm tăng cường tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đảm bảo nguyên tắc quản lý tập trung, thống nhất và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động; tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp; cải cách thủ tục hành chính	Khoản 1, Điều 13 Nghị định 55/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động: Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Chính phủ phân cấp cho Thành phố thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.